

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH

-----o0o-----

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN: NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH

Địa điểm: Lô CN V, Cụm CN Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

- Hà Tĩnh, tháng 07 năm 2024 -

CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

DỰ ÁN: NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH

**Địa điểm: Lô CN V, Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh,
tỉnh Hà Tĩnh**

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TĨNH



GIÁM ĐỐC

Phan Thị Thu

- Hà Tĩnh, tháng năm 2024 -

MỤC LỤC

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	6
1. Tên chủ dự án đầu tư:	6
2. Tên dự án đầu tư:	6
2.1. Địa điểm thực hiện dự án:	6
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:	7
2.3. Quy mô dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:	7
3.1. Công suất của dự án đầu tư:	7
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:	8
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:	11
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	11
4.1. Nguyên liệu sản xuất	11
4.2. Nhu cầu sử dụng điện:	12
4.3. Nhu cầu sử dụng nước:	13
4.4. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu khác:	13
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	14
5.1. Hiện trạng khu vực thực hiện dự án	14
5.2. Các hạng mục công trình của dự án	14
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,	16
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	16
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	16
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường:	17
2.1. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường	17
Chương III	20
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	20
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	20
1.3. Xử lý nước thải	22

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:	28
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	31
3.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường	31
3.2. Chất thải rắn sinh hoạt	32
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:	33
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	34
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	35
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	38
Chương IV	40
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	40
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	40
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	40
1.3. Dòng nước thải	40
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	40
1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	41
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	41
2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	41
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn	42
2.3. Giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung	42
Chương V	43
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	43
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	43
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	43
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	43
1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch	44
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	44
Chương VI	45
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	45
PHỤ LỤC BÁO CÁO	47

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ANTT	: An ninh trật tự
ATGT	: An toàn giao thông
BOD	: Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	: Bê tông cốt thép
BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
BXD	: Bộ Xây dựng
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CP	: Chính phủ
CTNH	: Chất thải nguy hại
CTR	: Chất thải rắn
GHCP	: Giới hạn cho phép
KCN	: Khu công nghiệp
HTKT	: Hạ tầng kỹ thuật
KK	: Không khí
MT	: Môi trường
NĐ	: Nghị định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TSS	: Tổng chất rắn lơ lửng
TTXH	: Trật tự xã hội
UBND	: Ủy ban nhân dân
VOC	: Chất hữu cơ bay hơi
VLXD	: Vật liệu xây dựng
VSMT	: Vệ sinh môi trường
VSTP	: Vệ sinh thực phẩm
XLNT	: Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp nguyên vật liệu chính của nhà máy	12
Bảng 1.2. Nhu cầu vật liệu phụ	12
Bảng 1.3. Bảng tính toán phụ tải	12
Bảng 1.4. Bảng tính nhu cầu sử dụng nước cho công trình	13
Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của dự án	14
Bảng 3.1: Bảng tổng hợp số liệu mương thoát nước mưa.....	20
Bảng 3.2: Bảng tổng hợp số liệu hệ thống thoát nước thải	21
Bảng 3.3. Kích thước các bể trong HTXL nước thải	27
Bảng 3.4. Thiết bị hệ thống xử lý nước thải.....	27
Bảng 3.5. Sự cố thường gặp của Hệ thống xử lý nước thải và phương án xử lý	36
Bảng 4.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải.....	40
Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành hệ thống nước thải.....	43
Bảng 5.2. Kế hoạch lấy mẫu nước thải giai đoạn vận hành ổn định	43

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án	7
Hình 1.2. Quy trình sản xuất sợi OE	8
Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa hiện tại của nhà máy	20
Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt	21
Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại BASTAF 5 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt.....	22
Hình 3.4. Mặt bằng bể tách dầu mỡ khu vực nhà ăn.....	23
Hình 3.5. Khu hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	24
Hình 3.6. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung	25
Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống quạt hút, lọc bụi từ quá trình làm sạch bông nguyên liệu	29
Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống quạt hút, lọc bụi từ các xưởng sản xuất.....	29
Hình 3.9. Hình ảnh máy lọc bụi tại Nhà máy	30
Hình 3.10. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường	32
Hình 3.11. Kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt	33

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh

- Địa chỉ trụ sở: số nhà 38, đường Nguyễn Xuân Linh, tổ dân phố 5, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Thu Chức vụ: Giám đốc

- Điện thoại: 0984.280.866.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3002201892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp đăng ký lần đầu ngày 10/11/2020.

2. Tên dự án đầu tư:

Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2.1. Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Phạm vi ranh giới của dự án như sau:

+ Phía Đông Bắc: Giáp lô đất ký hiệu CNIII và CNIV;

+ Phía Tây Nam: Giáp Đường quy hoạch;

+ Phía Tây Bắc: Giáp Công ty CP TNTH Hồng Phúc và Công ty CP Đinh Việt Hà Tĩnh;

+ Phía Đông Nam: Giáp đường quy hoạch.

Tổng diện tích dự án: 55.096 m²



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí thực hiện dự án

2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

- Giấy phép xây dựng số 42/GPXD do Sở Xây dựng Hà Tĩnh cấp ngày 22 tháng 12 năm 2022;

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường: UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt theo Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021.

2.3. Quy mô dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp có tổng mức đầu tư 599,98 tỷ đồng, phân loại dự án nhóm B, dự án đầu tư nhóm II đã có Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và lập giấy phép môi trường trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt theo mẫu phụ lục VIII của Phụ lục kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Sản xuất sợi OE với công suất 18.720 tấn/năm để phục vụ công nghiệp may mặc.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

a. Quy trình sản xuất của dự án:

Quy trình hoạt động của nhà máy kéo sợi của Công ty cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh là quy trình tự động, được lập trình qua hệ thống máy tính gồm các bước sau:

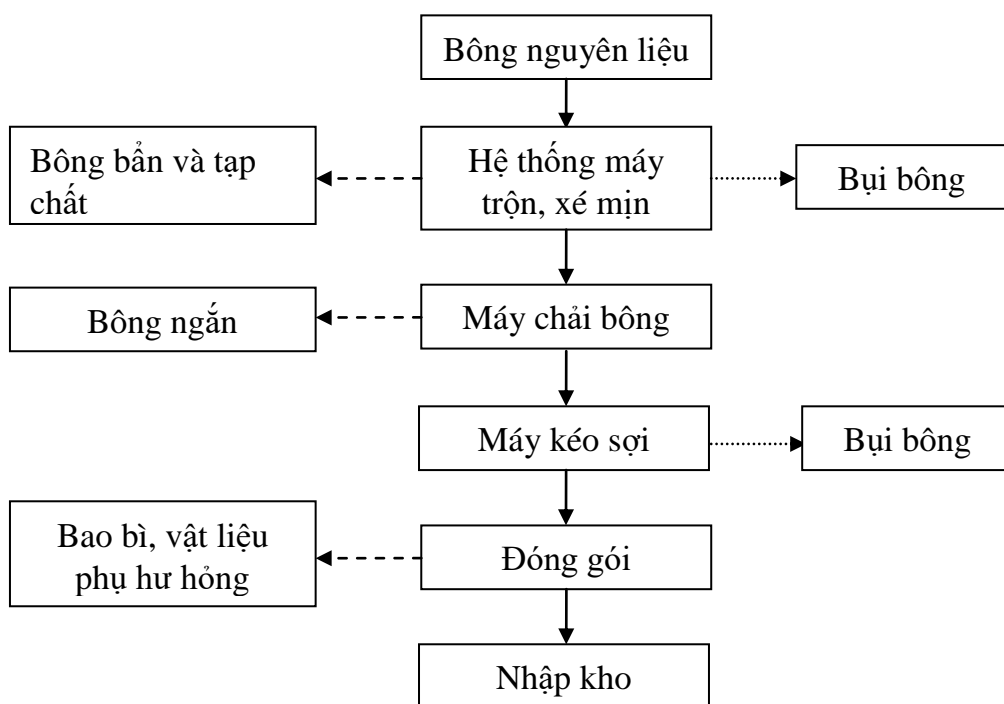
Bông nguyên liệu được đóng thành kiện và chuyên tới nhà máy. Tại đây bông được các máy xé xơ gỡ ra, chải để loại bỏ tạp chất rồi được kéo thành các sợi nhỏ. Quy trình kéo sợi của Công ty Cổ phần sợi Nghệ Tĩnh sử dụng phương pháp kéo sợi Rotor hay còn gọi là hệ thống OE (Open - End). Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi nhất trong việc sản xuất các sản phẩm vải denim. Phương pháp này cho ra các sản phẩm có chất lượng vừa phải hoặc thấp do độ dài các sợi vải không đồng nhất và được sắp xếp không đều. Quy trình sản xuất sợi theo phương pháp Rotor gồm các bước chính sau:

- Làm sạch bông nguyên liệu: Bước này loại bỏ các tạp chất và hạt của cây bông còn dính trong bông;

- Trộn bông: Bông nguyên liệu từ nhiều nguồn khác nhau được trộn đều và hình thành dạng búi rối;

- Chải bông: Các búi bông rối được chải thành từng búi bông nhỏ với các sợi nhỏ có độ dài bằng nhau và đặt song song nhau. Các sợi bông quá ngắn sẽ bị loại bỏ.

- Chuyển tới máy kéo sợi: Các búi bông sau khi chải sẽ được chuyển tới máy kéo sợi, tại đây bông sẽ được kéo thành sợi, tùy theo yêu cầu của sản xuất mà độ xoắn, độ dày, trọng lượng và mức độ đồng nhất của sợi bông sẽ được xác định. Các sợi bông sẽ đi ra từ lỗ nhả sợi của máy kéo sau đó được quấn thành cuộn.



Hình 1.2. Quy trình sản xuất sợi OE

Mô tả quy trình:

Hệ thống máy sản xuất sợi gồm các thiết bị và tính năng hoạt động như sau:

* Hệ thống cung bông:

- Máy xé kiện tự động BLENDOMAT BO-A 2300: Máy xé kiện hoàn toàn tự động, công suất sản lượng tới 1.600 kg/h khi chạy 1 phương án nguyên liệu, sản lượng tới 1.200 kg/h khi chạy 2 phương án nguyên liệu.

Máy có nhiệm vụ xé sợi bộ xơ bông ở trạng thái nén kiện, làm sạch và loại tạp chất, trộn đều các loại nguyên liệu trong hỗn hợp. Tại công đoạn này, bông được làm sạch sơ bộ bằng hệ thống máy phát hiện tạp chất và hút tạp chất ra khỏi kiện.

- Bộ kéo dài máy xé kiện BR-EU: 3 bộ, mỗi bộ sẽ kéo dài máy xé kiện thêm 2.475mm.

- Bộ nam châm điện BR-MT: 3 bộ, bao gồm 3 bộ nam châm vĩnh cửu được gắn trên đường đi của nguyên liệu.

- Quạt BR-FD500: Quạt vận chuyển nguyên liệu, đường kính cánh quạt 500 mm, tốc độ quạt thay đổi nhờ mô tơ điều khiển bằng biến tần.

- Máy loại đa năng SP-MF: Máy đa chức năng, hút bông từ máy xé kiện BLENDOMAT BO-A, bao gồm bộ phận loại bụi tinh, bộ phận loại tạp nặng, bộ phận phát hiện và loại kim loại, bao gồm thùng chứa phế dung lượng lớn, máy điều khiển bằng máy tính. Giảm thiệt hại bởi hỏa hoạn nhờ có sensor kết nối tới tủ điều khiển. (không thay thế cho hệ thống phát hiện và dập lửa).

Là máy loại tạp đa chức năng với khả năng loại bỏ tạp nặng, bụi bẩn. Chế tạo với công nghệ tiên tiến với các cảm biến, hệ thống quạt và lọc bụi cao cấp đảm bảo loại tạp với hiệu suất cao.

- Lòng tụ bông BR-COI: Tụ nguyên liệu bao gồm quạt đồng bộ, các truyền động riêng rẽ cho quạt và lòng bụi, bề rộng chân đế 1.000 mm.

- Máy xé sơ bộ CL-P: Máy gồm 2 trục xé để xé bông sơ bộ, bông cấp hướng tiếp tuyến vào máy bằng quạt hút thông qua lòng tụ bông BR-COI, máy điều khiển bằng máy tính. Máy xé tăng cường nguyên liệu ở mức độ cao. Làm sạch nguyên liệu ngay từ đầu, loại bỏ tạp chất thô từ nguyên liệu thô.

- Quạt BR-FD425 Quạt vận chuyển nguyên liệu, đường kính cánh quạt 425 mm, tốc độ quạt thay đổi nhờ mô tơ điều khiển bằng biến tần.

- Buồng trộn tổng MX-U10: Buồng trộn đa năng gồm 10 buồng trộn đảm bảo kiểm soát trộn đều nguyên liệu, nguyên liệu được hút khỏi buồng trộn bởi máy đứng sau, buồng trộn được điều khiển bằng máy tính. Giảm thiệt hại bởi hỏa hoạn nhờ có sensor kết nối tới tủ điều khiển. (không thay thế cho hệ thống phát hiện và dập lửa).

- Thang bảo dưỡng hòm trộn tổng BR-WS: Quạt BR-FD425 Quạt vận chuyển nguyên liệu, đường kính cánh quạt 425 mm, tốc độ quạt thay đổi nhờ mô tơ điều khiển bằng biến tần.

- Máy xé mịn đa năng CL-U: Máy xé mịn đa năng cho cotton, đồng bộ với bộ tách nguyên liệu và loại bụi tinh BR-MS1600, buồng cấp bông dung lượng lớn với bộ cấp bông 4 trục có tốc độ thay đổi vô cấp, trục đỉnh có tốc độ thay đổi vô cấp, bao gồm các bộ phận làm sạch và chải bông, theo dõi phế bởi 2 cảm biến WASTECONTROL, cơ cấu

điều chỉnh cự ly dao bụi chính xác bằng hệ thống PMS, phé được hút liên tục, máy điều khiển bằng máy tính với màn hình màu cảm ứng, khoá an toàn trung tâm.

- Máy loại vật liệu ngoại lai T-SCAN TS-T5: Máy loại đa năng với 5 công nghệ phát hiện vật liệu ngoại lai: Mô-đun màu phát hiện chính xác vật liệu màu; Mô-đun PP sử dụng ánh sáng phân cực để phát hiện chính xác vật liệu ánh sáng xuyên qua hoặc bán xuyên qua trong dòng nguyên liệu; Mô-đun UV phát hiện chính xác vật liệu phản quang với tia cực tím; Mô-đun G phát hiện vật liệu bóng.

Bộ đèn LED tuổi thọ cao không cần bảo dưỡng, chiếu sáng giúp tăng hiệu quả làm việc của các ca-mê-ra, giúp phát hiện vật liệu mỏng, dạng mảnh và dài. vật liệu ngoại lai được loại ra nhờ vào bộ phận thổi gồm nhiều miệng thổi, phé liệu được hút với một túi lọc lớn, máy được trang bị thang giúp cho việc vận hành và thay túi lọc dễ dàng, ca-mê-ra màu với độ phân giải cao 4CCD/ca-me-ra phân cực dùng cho mô-đun màu và vật liệu bóng, ca-mê-ra màu với độ phân giải cao 3CCD dùng cho mô-đun PP và UV,

Bảng điều khiển đồng bộ với màn hình màu cảm ứng giúp vận hành và chỉnh chuẩn máy dễ dàng, kiểm soát chất lượng đồng bộ, các số liệu thống kê được thể hiện qua đồ thị và các số liệu thống kê.

- Quạt BR-F320: Quạt dùng cho vận chuyển nguyên liệu và khí thải, đường kính cánh quạt 320 mm.

- Quạt BR-F425: Quạt vận chuyển nguyên liệu và khí thải, đường kính cánh quạt 425 mm, tốc độ quạt thay đổi qua puli bước cho dây đai chữ V.

- Máy loại bụi DUSTEX SP-DX: Máy loại bụi năng lực cao, máy điều khiển bằng máy tính. Hiệu suất xử lý bụi của hệ thống đạt 95%.

- Quạt BR-F425: Quạt vận chuyển nguyên liệu và khí thải, đường kính cánh quạt 425 mm, tốc độ quạt thay đổi qua puli bước cho dây đai chữ V.

- Quạt BR-FD425: Quạt vận chuyển nguyên liệu, đường kính cánh quạt 425 mm, tốc độ quạt thay đổi nhờ mô tơ điều khiển bằng biến tần.

- Tủ điện điều khiển LC-II: Tủ điện điều khiển bao gồm bộ chia điện cho các máy gian cung bông (không kể máy chải và máy ghép), liên kết thông tin mạng với tất cả các bộ điều khiển các máy, màn hình điều khiển cảm ứng thể hiện hoạt động của hệ thống.

* Hệ thống máy chải:

- Máy chải TC19 sản lượng cao trang bị bộ kéo dài IDF2, bao gồm: 26 máy chải. Cự ly công tác của máy được tối ưu nhờ T-CON, kim mũi từ tính MAGNOTOP, cấp nguyên liệu trực tiếp DIRECTFEED với máng cấp linh hoạt và liên kết bộ làm đều, phát hiện kim loại và điểm dày tại khu vực trực gai, bộ phận cấp nguyên liệu SENSOFEED plus với chức năng làm đều mức cấp nguyên liệu, cự ly dao bụi trực gai được lấy chính xác thông qua cơ cấu lấy cự ly PMS, máy trang bị hệ thống trực gai loại 3 trực WEBFEED, máy trang bị kim độ bền cao TCC NOVOSTAR của Truetzschler, thanh mũi nhôm được truyền động nhờ dây đai răng ngựa, cự ly mũi với thùng lớn được điều chỉnh nhờ cơ cấu điều chỉnh cự ly tập trung chính xác PFS, tốc độ mũi được thay đổi vô cấp, tối ưu chức năng làm việc mũi cố định MTT, bộ gom cúi dung lượng cao với tốc độ

ra cúi lên đến 500 m/phút, 5 máy được trang bị thiết bị tự động làm đều đoạn ngắn và máy được trang bị thiết bị tự động làm đều đoạn ngắn và đoạn dài cúi Autoleveller.

- Bộ thay đổi tốc độ điện TC-VSD: 26 bộ. Thay đổi tốc độ qua màn hình cho thùng lớn và trục gai WEBFEE

- Bộ kéo dài tăng cường trên máy chải IDF: 26 bộ. 2 Bộ kéo dài tăng cường lắp trên bộ thay thùng cúi tự động của máy chải TC, bao gồm cơ cấu kéo dài 2/2 suốt với tăng ép suốt trên bằng khí nén, thiết bị tự động làm đều đoạn ngắn, cơ cấu hút phé, hệ thống kiểm soát chất lượng cúi toàn diện (chi số, độ đều, biểu đồ quang phổ; điểm dày), kiểm soát sản xuất hoàn toàn tự động bởi máy chải, kiểm soát dự trữ cúi, bộ IDF2 được trang bị các mô tơ điều khiển bằng kỹ thuật số không cần bảo dưỡng, cúi được chuyển sang bộ thay thùng cúi tự động với cơ cấu cấp thùng bị động CAN TRAC.

* Máy kéo sợi OE loại BD 480, 448 cọc/máy:

- Máy kéo sợi OE loại BD 480, 448 cọc/máy: 26 máy. Máy kéo sợi Saurer Schlafhorst loại BD 480 cấu hình cơ bản với hộp kéo sợi NSB 38, công nghệ nổi sợi Burmaster BM 2+, tự động giữ mối sợi đồng loạt JSI, 448 cọc/máy.

- Máy tiêu chuẩn: Máy kéo sợi OE của Saurer Schlafhorst loại BD.

- Hộp kéo sợi:

+ Loại NSB 38 có tốc độ rô-to từ 15.000 vòng/phút đến 120.000 vòng/phút, tùy thuộc vào cúi, kích thước rô-to và chi số sợi. Cho kéo sợi từ xơ tự nhiên, xơ hóa học, hỗn hợp của chúng với chiều dài xơ lên đến 60 mm.

+ SDSI - Hệ thống cấp cúi độc lập cho từng hộp kéo sợi, các mô-tơ cấp cúi độc lập đảm bảo cấp cúi tới chi số Nm0.14/Ne 0.08 (7 ktex) và bội số kéo dài từ 11 đến 350.

+ Cụm bộ phận được xử lý đặc biệt tạo giá trị gia tăng: rô-to (tốc độ tới 110.000 vòng/phút), trục chải (mạ DN). - Bộ phận tạo xoắn giả “Torque Stop” tăng mức độ ổn định kéo sợi.

+ Một bộ núm ra sợi loại BR4KS5.

+ Một bộ kênh hút phé quả chải loại 2 rãnh.

+ Đĩa đệm rô-to tối ưu hóa dòng khí trong hộp kéo sợi.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản xuất sản phẩm sợi OE phục vụ ngành công nghiệp dệt may; hoàn thiện sản phẩm dệt theo nhu cầu. Công suất sản xuất sợi OE với công suất 18.720 tấn/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Nguyên liệu sản xuất

Nguyên liệu, vật liệu phục vụ sản xuất tại nhà máy chủ yếu gồm có các loại sau:

- Nguyên liệu chính:

Nguyên liệu chính cho quy trình sản xuất của Nhà máy là bông thiên nhiên được nhập từ châu Mỹ, châu Phi ở dạng kiện bông nén chặt có trọng lượng khoảng 200kg/kiện và 20% mua từ nguồn nội địa. Bông sau khi được kiểm dịch sẽ được nhập về kho nguyên liệu của Nhà máy bằng xe container. Bông nhập khẩu từ cảng Đình Vũ, Lạch huyện, Hải

Phòng và vận chuyển theo đường bộ về nhà máy. Đối với bông nội địa được mua từ các vùng trồng nguyên liệu như Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Ninh, Hồ Chí Minh,... được vận chuyển về nhà máy theo đường bộ.

Thành phần chủ yếu của bông xơ tự nhiên là xenlulose, ngoài ra còn chứa khoảng 6% tạp chất như pectin, sáp bông, các hợp chất nitơ. Các hợp chất này được xử lý và tách ra khỏi thành phần của vải trong các công đoạn tiền xử lý.

Sợi đơn cotton từ xưởng sợi sẽ được đưa vào làm nguyên liệu sản xuất tại xưởng xe.

Bảng 1.1. Tổng hợp nguyên vật liệu chính của nhà máy

TT	Loại nguyên liệu	Định mức	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bông tự nhiên (tiêu hao 10%)	-	20.800

- Nhu cầu vật liệu phụ cho nhà máy:

Bảng 1.2. Nhu cầu vật liệu phụ

TT	Loại nguyên liệu	Định mức chứa	Khối lượng
1	Ống giấy	3 kg/ống	6.240.000 ống/năm
2	Túi nilon	3 kg/túi	6.240.000 túi/năm
3	Bao tải dứa	25 kg/cái	748.800 cái/năm

Ngoài ra, tại Nhà máy có sử dụng các loại văn phòng phẩm: Giấy in, bút viết, mực in, bao bì đựng phim, sổ sách...; Các loại hộp đựng, túi đựng chất thải rắn sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt...

4.2. Nhu cầu sử dụng điện:

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện cho công nghiệp sản xuất: Chỉ tiêu cấp điện sản xuất dự tính là 1.000kW/ha;

+ Chỉ tiêu cấp điện công cộng: Khu đất kỹ thuật, hành chính dịch vụ 250kW/ha; chiếu sáng đường giao thông 8kW/ha.

Bảng 1.3. Bảng tính toán phụ tải

STT	Danh mục công nghiệp	Quy mô	Tiêu chuẩn	P (kW)
1	Đất sản xuất	2,89 ha	1.000 kW/ha	2.890
2	Đất kỹ thuật, hành chính dịch vụ	0,15 ha	250kW/ha	37,5
3	Đất giao thông	1,31 ha	8kW/ha	10,48
4	Tổng đặt			2.938
5	Dự phòng 10%			293,8
Tổng				3.232

- Tổng nhu cầu dùng điện tính toán cho Nhà máy là 3.232kVA.

Hệ thống điện: Nguồn điện cung cấp cho khu đất quy hoạch lấy từ đường dây 35 Kva - DZ 373 E18.4 từ phía Tây của đường Nguyễn Đổng Chi.

Xây dựng 1 trạm biến áp có công suất: 4000kVA - 35/0,4kV cấp cho khu sản xuất, khu điều hành, phụ trợ và chiếu sáng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước:

Nhu cầu sử dụng nước của Nhà máy bao gồm: Nước phục vụ sinh hoạt của cán bộ công nhân, nước cung cấp cho quá trình làm mát điều hòa không khí, nước cấp tưới cây, rửa đường, nước chữa cháy... Với nhu cầu cụ thể được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.4. Bảng tính nhu cầu sử dụng nước cho công trình

TT	Khu vực	Quy mô	Tiêu chuẩn dùng nước	Lượng nước m ³ /ngày.đêm
I	Nhu cầu sử dụng nước hàng ngày			48,0
1	Nước sinh hoạt	551 người	65 lít/người/ngày	38,81
2	Nước tưới cây, cỏ, rửa đường	10	% Nước sinh hoạt	3,6
3	Nước làm mát	-	-	5,00
4	Nước dự phòng		10% * Q _{sh}	3,6
II	Nhu cầu nước dự trữ cho PCCC			378

(Nguồn: Thuyết minh dự án)

Ghi chú: (*) Theo TCVN 33:2006, tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt là 100 lít/người/ngày đêm. Tổng số công nhân nhà máy là 551 người, tuy nhiên, công nhân làm việc theo ca, không tập trung cùng 1 lúc. Mặt khác theo thực tế từ nhà máy sợi của Công ty TNHH Bông Thái Bình, thì lưu lượng nước sử dụng hàng tháng của nhà máy khoảng 200m³/tháng cho 103 công nhân, trung bình khoảng 65 lít/ngày/người.

- Nguồn cấp nước: Lấy từ đường ống cấp nước HDPE D110 phía Tây của đường Nguyễn Đồng Chi. Từ điểm đầu nối, nước được dẫn theo đường ống D75, rẽ nhánh theo các đường ống phân phối D50 dọc theo các tuyến đường đến các nơi có nhu cầu dùng nước.

4.4. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu khác:

Quy trình sản xuất của nhà máy không sử dụng hóa chất để xử lý bông, sợi. Hóa chất sử dụng là các loại phục vụ cho quá trình xử lý nước thải, tẩy rửa, vệ sinh.

- Hóa chất tẩy rửa khu vực văn phòng; hóa chất khử trùng nước thải; chất giặt tẩy quần áo; chất tẩy rửa, vệ sinh bồn cầu, sàn nhà. Hóa chất làm sạch gốc axit (Như: Hóa chất rửa bồn cầu nhu cầu khoảng 0,5 lít/tháng, hóa chất lau sàn nhu cầu khoảng 1 lít/tháng).

- Nhu cầu sử dụng hóa chất cho trạm xử lý nước thải với công suất xử lý 40 m³/ngày.đêm: Hóa chất sử dụng là Chlorine nhằm mục đích khử trùng nước thải. Sử dụng Chlorine nồng độ 0,2%, với định mức xử lý khoảng 0,8g/m³. Như vậy lượng hóa

chất khử trùng tiêu thụ khoảng 0,48kg/ngày. Chlorine khử trùng được dự trữ trong nhà đặt thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.

- Vật liệu lọc sử dụng định kỳ 6 tháng thay 1 lần, khối lượng mỗi lần sử dụng 5kg được mua từ các đơn vị cung cấp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Hiện trạng khu vực thực hiện dự án

Dự án đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Chủ trương đầu tư theo Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 và chấp thuận điều chỉnh Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 02/02/2023.

Khu đất thực hiện dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh cho thuê đất theo Hợp đồng thuê lại đất số 45/2022/HĐTĐ ngày 29/11/2022 và Biên bản bàn giao đất tại thực địa ngày 04/12/2022.

Hiện tại, Dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện công tác thi công.

5.2. Các hạng mục công trình của dự án

- Tổng diện tích khu đất: 55.096m².

- Quy mô các chỉ tiêu quy hoạch các công trình:

+ Diện tích xây dựng công trình: 30.496,3m².

+ Tổng diện tích sàn: 31.244,3m².

+ Mật độ xây dựng: 55,34%.

+ Tầng cao tối đa: 01-02 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất: 0,56 lần.

Dự án được xây dựng trong phạm vi đất được quy hoạch, khối lượng và quy mô các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.5. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Hạng mục	Diện tích XD (m²)	Tầng cao	Hiện trạng xây dựng (%)
1	Cổng vào	-		Đã xây dựng
2	Nhà văn phòng và nghỉ ca văn phòng	375	2	Đã xây dựng
3	Nhà máy kéo sợi	$3 \times 4.407 = 13.221$	1	Đã xây dựng
4	Nhà để hệ thống cung bông	5.040	1	Đã xây dựng
5	Nhà kho	$2 \times 5.047 = 10.094$	1	Đã xây dựng
6	Nhà ăn, nghỉ ca công nhân	485	2	Đã xây dựng
7	Nhà để xe máy	364	1	Đã xây dựng
8	Nhà để xe ô tô	90	1	Đã xây dựng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

TT	Hạng mục	Diện tích XD (m²)	Tầng cao	Hiện trạng xây dựng (%)
9	Nhà WC	43,2	1	Đã xây dựng
10	Phòng chờ lái xe + nhà WC	54	1	Đã xây dựng
11	Nhà bảo vệ	2 x 12 = 24	1	Đã xây dựng
12	Trạm biếp áp 4.000KVA	30	-	Đã xây dựng
13	Trạm cân	90	-	Đã xây dựng
14	Kho vật tư + kho chất thải rắn	529	1	Đã xây dựng
15	Khu cầu container	324	-	Đã xây dựng
16	Hồ nước cứu hỏa	896,5	-	Đã xây dựng
17	Bể xử lý nước thải	90	-	Đã xây dựng
18	Đất cây xanh	10.568,8	-	-
19	Sân đường nội bộ + rãnh nước	13.133,2	-	-
	Tổng cộng	55.096		

(Nguồn: Giấy phép xây dựng Dự án)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Khu vực dự án nằm trong Cụm công nghiệp Nam Hồng (sau đây gọi tắt là CCN) đã được thành lập năm 2014 tại Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 14/11/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Theo đó ngành nghề sản xuất chính dự kiến thu hút đầu tư và di dời vào CCN là phát triển sản xuất theo chuỗi Sợi - Dệt - May; gia công cơ khí, điện, điện tử; Sản xuất đồ dùng dân dụng, hạt nhựa, bao bì; Chế biến nông, lâm, thủy sản; hoạt động công nghiệp hỗ trợ khác. Dự án sản xuất sợi là phù hợp với quy hoạch ngành nghề chi tiết đối với lô CN V, phù hợp với định hướng ngành nghề thu hút đầu tư vào CCN Nam Hồng, phù hợp với tính chất, mục tiêu quy hoạch tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng CCN Nam Hồng, tỷ lệ 1/500. Vị trí dự án phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt. Cụm công nghiệp Nam Hồng đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp Nam Hồng tại phường Đậu Liêu và phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh” tại Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 20/2/2017.

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia:

Dự án triển khai phù hợp với quy định tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dự án có các giải pháp bảo vệ môi trường phù hợp với các nhóm nhiệm vụ của chiến lược, bao gồm: nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa, kiểm soát, ngăn chặn các tác động xấu lên môi trường, các sự cố môi trường; nhóm giải pháp chủ động phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; nhóm giải pháp tăng cường quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì khu vực triển khai dự án không nằm trong danh mục vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải tại phụ lục kèm theo. Dự án có các đặc điểm phù hợp với các nhóm nhiệm vụ, giải pháp bảo vệ môi trường được nêu trong dự thảo Quy hoạch, bao gồm nhóm giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường từ phát triển kinh tế - xã hội, nhóm giải pháp quản lý chất thải. Dự án không gây mâu thuẫn với quan điểm, định hướng, mục tiêu của Dự thảo quy hoạch BVMT Quốc gia.

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh:

Theo Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu trong đó nêu rõ: “Sản xuất dệt may: Hình thành một số khu, cụm công nghiệp tập trung, chuyên dành cho các doanh nghiệp dệt may và các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm phụ trợ ngành dệt may tại thị xã

Hồng Lĩnh, Nghi Xuân, Can Lộc và một số địa phương khác nhằm tạo liên kết sản xuất, cung ứng vật liệu, linh kiện”.

- Quy hoạch thị xã Hồng Lĩnh:

Dự án Phù hợp với Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 10/07/2023 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị thị xã Hồng Lĩnh đến năm 2030; Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng CCN Nam Hồng được phê duyệt tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 26/04/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

- Về kế hoạch sử dụng đất:

Diện tích thực hiện dự án nằm trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của thị xã Hồng Lĩnh theo Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 1855/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Khu đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh cho thuê đất để thực hiện dự án theo Hợp đồng số 45/2022/HĐTĐ ngày 29/11/2022 với thời hạn thuê đất từ ngày 16/4/2021 đến ngày 13/01/2071.

Như vậy, Dự án được triển khai phù hợp với các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch về đất đai thuộc địa bàn thị xã Hồng Lĩnh.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải môi trường:

2.1. Sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Nước thải từ dự án tối đa 35,81m³/ngày.đêm khi đi vào hoạt động (theo công suất của Hệ thống XLNT chung của Nhà máy). Đặc trưng nước thải của dự án là nước thải sinh hoạt, quy chuẩn áp dụng là QCVN 14:2008/BTNMT, cột A - quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nguồn nước tiếp nhận nước thải: dự án nằm trong CCN Nam Hồng, vì vậy nước thải của Dự án sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A theo hệ thống thoát nước của CCN dẫn về hồ điều hòa và chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải là sông Nhà Lê.

Bảng 2.1. Kết quả phân tích chất lượng nước mặt sông Nhà Lê

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT mức A
1	pH	-	6,6	6,5-8,5
2	DO	mg/l	8,4	≥6
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	11	≤25
4	COD	mg/l	8	≤10
5	BOD ₅	mg/l	1,9	≤4
6	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	7,1	250

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

TT	Thông số phân tích	Đơn vị đo	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT mức A
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	0,5	-
8	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/l	<0,05	0,3
9	Tổng dầu mỡ	mg/l	<0,3	5
10	Sắt (Fe)	mg/l	0,7	0,5
11	Tổng coliform	MPN/100ml	540	≤1.000

ML-M12: kênh Nhà Lê tại cống Trung Lương, phường Trung Lương, thị xã Hồng Lĩnh

Đánh giá sự phù hợp của dự án với khả năng chịu tải của sông Nhà Lê như sau:

- Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận:

Do nguồn nước đang đánh giá được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nên giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong nguồn nước được xác định theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia chất lượng nước mặt QCVN 08:2023 (Mức A). Phương pháp đánh giá được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Áp dụng công thức:

$$L_{td} = C_{qc} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

L_{td} (kg/ngày): là tải lượng ô nhiễm tối đa mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với chất ô nhiễm đang xét.

Q_s (m³/s): lưu lượng dòng chảy của mương đánh giá và được xác định theo quy định là m³/s. $Q_s = 1,3$ m³/s được xác định bằng lưu tốc kế;

C_{qc} (mg/l): giá trị giới hạn của thông số chất lượng nước mặt theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt ứng với mục đích sử dụng nước của đoạn sông. C_{qc} được tính toán tại Bảng 2.1 Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước mặt mức A của QCVN 08:2023/BTNMT;

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m³/s thành đơn vị tính là kg/ngày). Từ các giá trị C_{qc} , Q_s ở trên ta có thể tính toán được tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận đối với các chất ô nhiễm như sau:

Bảng 2.1. Tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước sông Nhà Lê có thể tiếp nhận (L_{td})

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 08:2023/BTNMT (Mức A)	L_{td} (kg/ngày)
1	BOD ₅	mg/l	≤ 4	449,28
2	COD	mg/l	≤ 10	1.123,2
3	TSS	mg/l	≤ 25	2.808
4	Amoni	mg/l	0,3	33,696

- Tải lượng ô nhiễm sẵn có trong nguồn nước tiếp nhận:

$$L_{nn} = C_{nn} \times Q_s \times 86,4$$

Trong đó:

L_{nn} (kg/ngày): là tải lượng ô nhiễm sẵn có trong nguồn nước tiếp nhận;

C_{nn} : kết quả phân tích thông số chất lượng nước mặt, đơn vị tính là mg/l;

Q_s : lưu lượng dòng chảy của sông Nhà Lê khu vực đi qua dự án được đánh giá và được xác định theo quy định là m^3/s . $Q_s = 1,3m^3/s$ được xác định bằng lưu tốc kế;

Giá trị 86,4 là hệ số chuyển đổi thứ nguyên (được chuyển đổi từ đơn vị tính là mg/l, m^3/s thành đơn vị tính là kg/ngày). Từ các giá trị C_{nn} , Q_s ở trên ta có thể tính toán được tải lượng của chất lượng nước hiện có trong nguồn nước như sau:

Bảng 2.2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn tiếp nhận (L_{nn})

TT	Thông số phân tích	Kết quả	L_{nn} (kg/ngày)
1	BOD ₅	1,9	213,41
2	COD	8	898,56
3	TSS	11	1.235,52
4	Amoni	0,05	5,62

➤ **Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải:**

Khả năng tiếp nhận nước thải của sông Nhà Lê đi qua dự án được tính như sau:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn}) \times F_s$$

Trong đó: F_s : hệ số an toàn, chọn $F_s = 0,7$

Bảng 2.3. Khả năng tiếp nhận nước thải của mương thoát nước đi qua dự án

TT	Thông số phân tích	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
1	BOD ₅	449,28	213,41	165,11
2	COD	1.123,2	898,56	157,25
3	TSS	2.808	1.235,52	1.100,74
4	Amoni	33,696	5,62	19,65

Kết luận: Từ kết quả tính toán thông số L_{tn} cho thấy mương thoát nước nội đồng đi qua dự án có khả năng tiếp nhận nước thải đối với các thông số đặc trưng như BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Amoni,... Các chỉ số $L_{tn} > 0$, nguồn nước có khả năng chịu tải và tiếp nhận nước thải của Dự án.

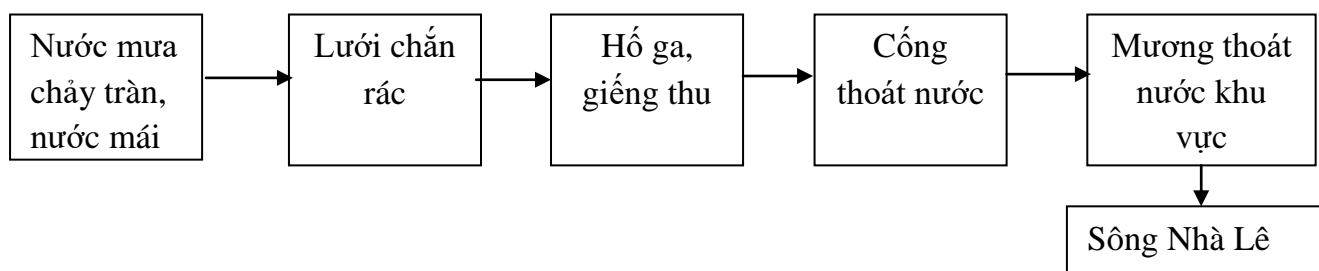
Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Thu gom, thoát nước mưa:



Hình 3.1. Sơ đồ thoát nước mưa hiện tại của nhà máy

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải, khu vực sân bãi được tráng nhựa tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh.

- Nước mưa từ các phễu thu của các công trình được thu vào các hố gom và cống thoát nước mưa đặt xung quanh dự án.

- Nước mưa sau khi thu vào các hố ga, nước mưa được thu gom qua hệ thống cống li tâm D600 rồi ra hệ thống thoát nước của khu vực. Mương thoát có độ dốc hướng về mương thoát nước B1000 nằm dọc tuyến đường quy hoạch của CCN, độ dốc thiết kế 2%. Trên các tuyến mương thu gom bố trí các hố ga để đầu nối và lắng cặn trước khi dẫn vào mương thoát nước chung. Tổng số hố ga bố trí là 42 cái.

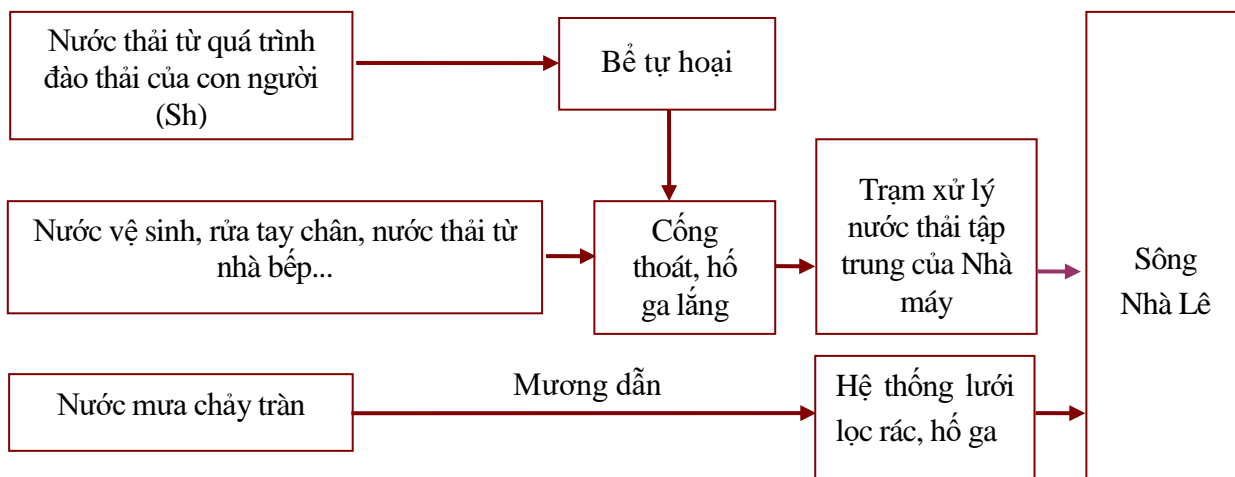
Bảng 3.1: Bảng tổng hợp số liệu mương thoát nước mưa

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương thoát nước B400	m	1.325
2	Hố ga thu nước	cái	41

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công dự án)

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải của nhà máy được xây dựng riêng hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước mưa.



Hình 3.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt được phân làm 3 dòng để xử lý:

Dòng thứ 1: Nước thải từ quá trình thải của con người (từ các nhà vệ sinh), nước thải này có hàm lượng BOD và COD cao: chủ đầu tư đã xây dựng các bể tự hoại BASTAF có 1 ngăn chứa và 4 ngăn có dòng chảy hướng từ dưới lên trên và ngăn lọc kỵ khí để xử lý. Bể tự hoại được đầu tư xây dựng dưới các nhà vệ sinh của Dự án. Cặn ở bể tự hoại định kỳ khoảng 6 tháng sẽ được hút 1 lần bằng cách thuê các phương tiện chuyên dụng.

Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được dẫn theo hệ thống mương dẫn về về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

Dòng thứ 2: Nước thải từ hoạt động nhà bếp, khu vực ăn uống,... loại nước thải này có hàm lượng dầu mỡ khá lớn, được dẫn vào bể tách mỡ để xử lý sơ bộ tách hết dầu mỡ có lẫn trong nước thải sau đó đưa vào hệ thống dẫn nước thải và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý.

Dòng thứ 3: Nước thải từ hoạt động vệ sinh, rửa tay chân,... được chảy qua hố ga có song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn như (nilon, giấy, tóc,...) rồi theo đường ống nhựa UPVC chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

Mạng lưới đường ống thu gom nước thải của dự án sử dụng đường ống uPVC D300 đảm bảo thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh và đầu nối dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy.

Bảng 3.2: Bảng tổng hợp số liệu hệ thống thoát nước thải

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Mương thoát nước D300	m	794
2	Hố ga D300	cái	26

3	Bể tách dầu mỡ	Bể	01
4	Bể tự hoại	Bể	01

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công dự án)

1.3. Xử lý nước thải

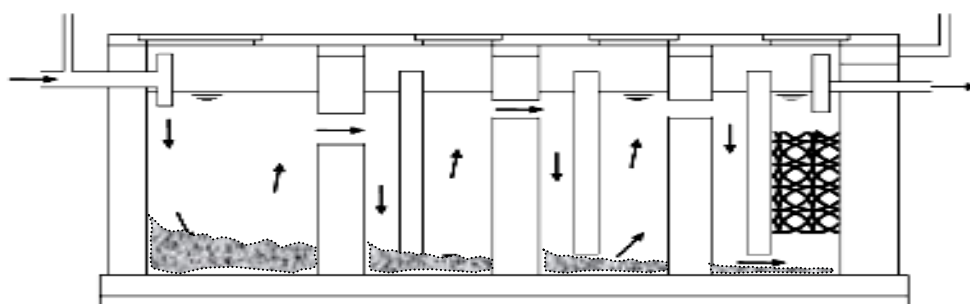
a. Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt được phân làm 3 dòng để xử lý:

Dòng thứ 1: Nước thải từ quá trình thải của con người (từ các nhà vệ sinh): Chủ đầu tư đã xây dựng các bể tự hoại BASTAF 5 ngăn để xử lý. Bể tự hoại được đầu tư xây dựng dưới các nhà vệ sinh của Dự án. Cặn ở bể tự hoại định kỳ khoảng 6 tháng sẽ được hút 1 lần bằng cách thuê các phương tiện chuyên dụng. Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại theo hệ thống mương dẫn về khu xử lý nước thải tập trung.

Toàn dự án được bố trí 01 bể tự hoại BASTAF 5 ngăn thể tích 95m³, nằm dưới chân công trình nhà WC (hạng mục số 9 ở bản vẽ quy hoạch).

Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn



Hình 3.3. Cấu tạo bể tự hoại BASTAF 5 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên tắc hoạt động:

- Cấu tạo: Bể tự hoại cải tiến Bastaf có 1 ngăn chứa và 4 ngăn có dòng chảy hướng từ dưới lên trên và ngăn lọc kỵ khí.

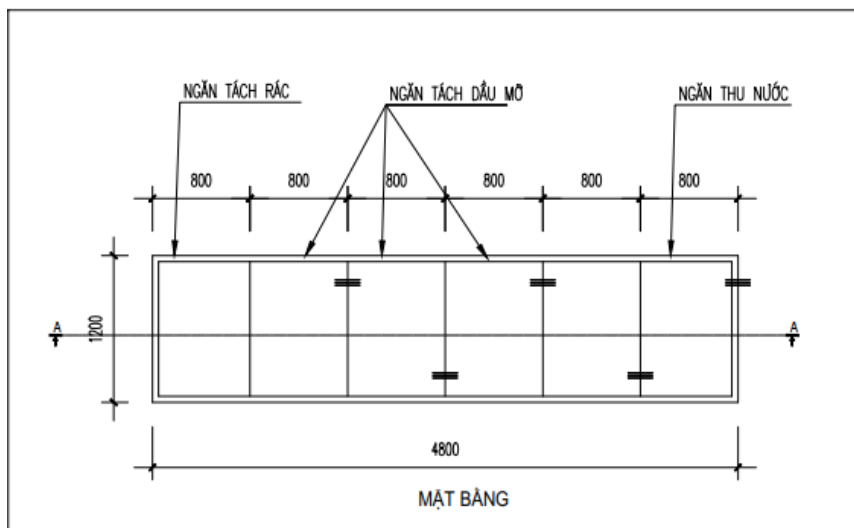
- Nguyên tắc làm việc của bể Bastaf: nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải.

Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại theo hệ thống thoát nước thải của Nhà máy, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để tiếp tục xử lý.

Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:

- + Bể tự hoại vận hành đơn giản;
- + Không tốn chi phí vận hành do không sử dụng điện năng, hóa chất,...
- + Yêu cầu kỹ thuật trong lắp đặt vận hành đơn giản.

Dòng thứ 2: Nước thải từ hoạt động nhà bếp, khu vực ăn uống,... loại nước thải này có hàm lượng dầu mỡ khoảng 0,2kg/ngày, được dẫn vào bể tách mỡ để xử lý sơ bộ tách hết dầu mỡ có lẫn trong nước thải sau đó đưa vào hệ thống đường ống dẫn nước thải và dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của Dự án để xử lý. Tại bể tách mỡ thì dầu mỡ và sẽ được vớt ra và hợp đồng với đơn vị chuyên trách để xử lý. Toàn dự án bố trí 01 bể tách mỡ nằm cạnh công trình nhà ăn ở, nghỉ ca công nhân, bể gồm 6 ngăn tổng thể tích 6,75 m³. Ngăn đầu tiên là lắng lọc rác loại bỏ các loại thức ăn dư thừa có kích thước lớn, 5 ngăn tiếp theo là ngăn tách dầu mỡ. Nước trong sau khi tách dầu mỡ chảy qua bể thu gom có thể tích 2,0m³ (2m x 1m x 1m) rồi cùng các loại nước thải khác dẫn về khu xử lý nước thải tập trung của nhà máy để xử lý. Cặn dầu mỡ được vớt nổi cho vào bao và hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý theo quy định.



Hình 3.4. Mặt bằng bể tách dầu mỡ khu vực nhà ăn

Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:

+ Phương pháp xử lý đơn giản, vừa có nhiệm vụ thu dầu mỡ nổi trên mặt vừa lắng cặn có trọng lượng lớn. Tạo điều kiện cho các phương pháp xử lý tiếp theo tốt hơn.

+ Mức độ khả thi cao.

- Hiệu quả của biện pháp: Nhìn chung phương pháp cho hiệu quả xử lý dầu rất tốt. Hầu hết phần dầu nổi sẽ được tách tại đây. Thực tế cho thấy hiệu quả xử lý đạt khoảng 60 - 85%.

1.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thông số thiết kế:

- Công suất thiết kế: 40 m³/ngày.đêm.

- Tiêu chuẩn nước thải đầu ra sau khi xử lý: Quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, áp dụng cột B, hệ số K= 1.

- Đơn vị thi công: Công ty CP tư vấn đầu tư và xây dựng Toàn Anh.

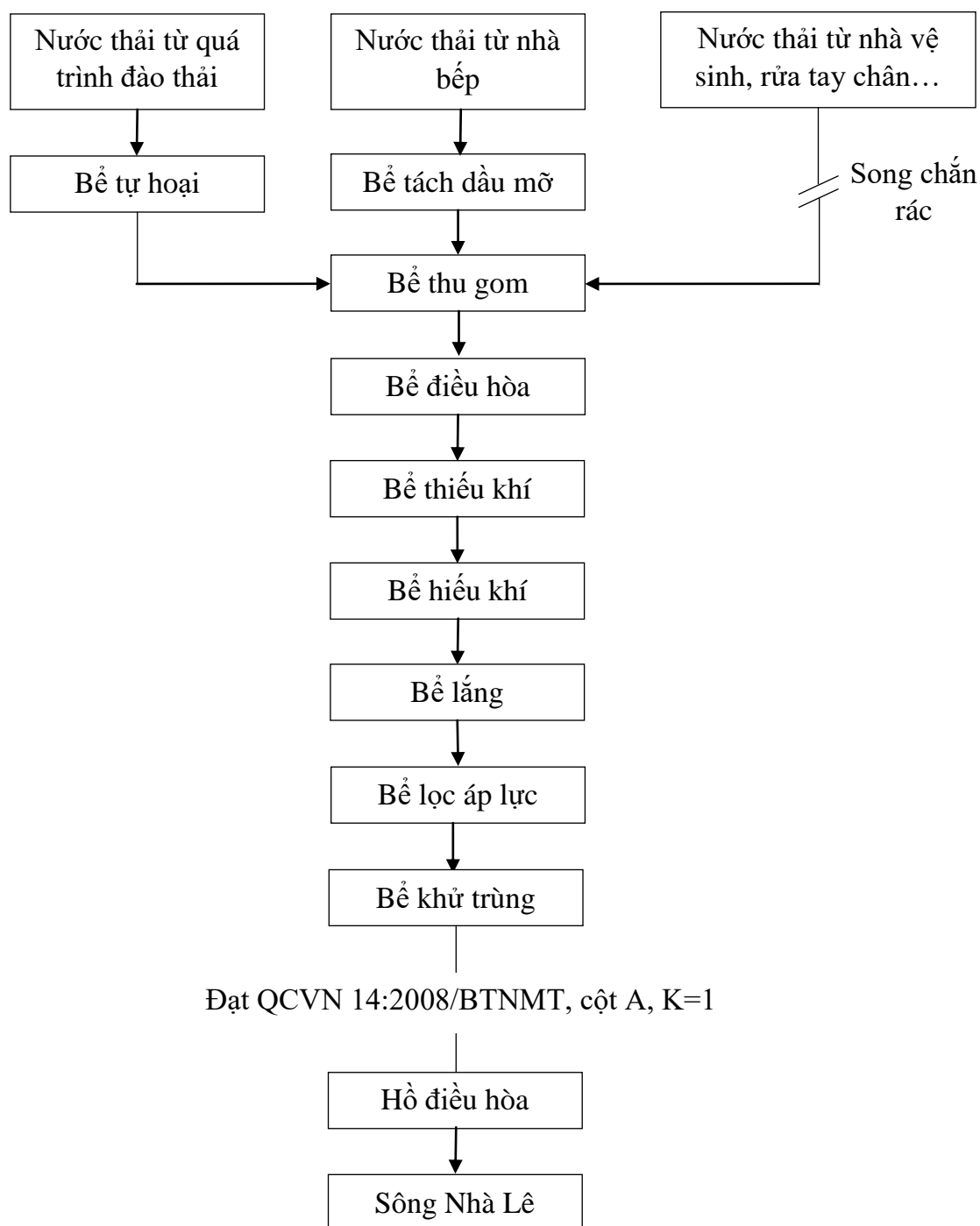
- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn thải được dẫn vào đường ống HPDE chôn ngầm, thoát ra mương thoát nước chung của khu vực chảy ra sông Nhà Lê.



Hình 3.5. Khu hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Mặt bằng hệ thống bể xử lý nước thải (theo bản vẽ hoàn công):

Chủ đầu tư đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải 40 m³/ngày đêm phía Đông của nhà máy theo quy hoạch với công nghệ như sau:



Hình 3.6. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải tập trung

Thuyết minh hệ thống xử lý nước thải:

- Đầu tiên nước thải từ hệ thống thu gom được tách rác và các tạp chất có kích thước lớn nhờ song chắn rác rồi chảy vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải, nước thải từ bể thu gom được bơm lên bể điều hòa.

- Bể điều hòa có chức năng ổn định về lưu lượng cũng như nồng độ các chất ô nhiễm. Tại đây nước thải được khuấy trộn đều nhờ thiết bị sục khí bề mặt. Oxy được cung cấp bởi các thiết bị sục khí bề mặt nhằm ngăn cản khả năng phân hủy kỵ khí gây

mùi hôi tại bể điều hòa. Ngoài ra bể điều hòa có tác dụng như bể chứa nước thải khi có sự cố xảy ra.

- Sau bể điều hòa, nước thải được bơm đều về bể phân hủy thiếu khí. Tại đây, các vi sinh vật thiếu khí phân hủy một phần các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải. Bể phân hủy kỵ khí sử dụng vật liệu đệm làm giá thể cho vi sinh vật phát triển và ổn định. Dinh dưỡng (N/P) được bổ sung vào bể nhằm tạo môi trường thuận lợi cho vi sinh vật phát triển và tham gia vào quá trình xử lý.

- Bể hiếu khí: Từ bể phân hủy thiếu khí nước thải sẽ được dẫn sang bể phân hủy hiếu khí đệm cố định. Tại bể này các vi sinh vật thực hiện quá trình xử lý để loại bỏ các chất ô nhiễm trong nước thải trong điều kiện hiếu khí với vật liệu đệm cố định nhờ cơ chế sinh trưởng dính bám. Máy thổi khí được sử dụng để cung cấp oxy cho quá trình xử lý tại bể hiếu khí đệm cố định. Bùn phát sinh do sự tăng sinh khối tại bể hiếu khí đệm cố định sẽ được thu hồi về bể chứa bùn, bùn được ép nhờ máy ép bùn và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý.

- Bể lắng: Nước thải sau khi qua bể phân hủy hiếu khí được dẫn qua bể lắng có chức năng lắng các chất lơ lửng còn lại trong nước.

- Bể khử trùng: Nước thải sau bể lắng chảy qua ngăn khử trùng sử dụng Chlorine để khử trùng. Liều lượng Chlorine sử dụng là 0,8g/m³, như vậy với công suất xử lý 60 m³/ngày sẽ cần 0,48kg/ngày lượng hóa chất chlorine.

- Bể lọc áp lực: Quá trình lọc nước là cho nước đi qua lớp vật liệu lọc với một chiều dày nhất định đủ để giữ lại trên bề mặt hoặc giữa các khe hở của lớp vật liệu lọc các hạt cặn và vi trùng có trong nước.

Bể lọc có tác dụng loại bỏ các chất lơ lửng còn lại trong nước thải đồng thời xử lý mùi hôi và độ đục của nước. Bể lọc gồm: vỏ bể, lớp vật liệu lọc, hệ thống thu nước lọc và phân phối nước rửa, hệ thống dẫn nước vào bể lọc và thu nước rửa lọc. Nước rửa lọc được bơm ngược trở lại hệ thống xử lý tại bể điều hòa. Vật liệu lọc được rửa lọc thường xuyên, do đó, khoảng 6 tháng thay vật liệu lọc 1 lần. Các vật liệu lọc được tập trung và xử lý cùng với chất thải rắn sản xuất phát sinh từ nhà máy.

- Bể chứa bùn: Bùn từ bể lắng hóa lý và bùn dư từ bể sinh học hiếu khí được đưa về bể chứa bùn, sau đó được ép khô bằng máy ép bùn. Bùn sau khi ép được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

Nước thải sau quy trình xử lý trên đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K=1, thải ra hồ điều hòa.

1.4.1. Các hạng mục và thiết bị của hệ thống xử lý nước thải:

Kích thước các bể trong hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3.3. Kích thước các bể trong HTXL nước thải

TT	Các bể	Số lượng (bể)	Thông số thiết kế (m)			Thể tích (m ³)	Thời gian lưu lắng (h)	Kết cấu
			Dài	Rộng	Cao			
1	Bể thu gom	01	1,94	1,54	2,65	7,92	4,7	Tường xây bằng gạch đặc trát vữa 2 mặt, dầm BTCT
2	Bể điều hòa	01	3,76	2,9	2,65	28,9	17,3	
3	Bể thiếu khí	01	3,0	1,5	2,65	11,93	7,14	
4	Bể hiếu khí	01	3,76	3,0	2,65	29,89	17,9	
5	Bể lắng sinh học	01	2,52	2,5	2,65	16,7	10	
6	Bể khử trùng	01	2,5	1,02	2,65	6,76	4,05	
7	Bể bùn	01	3,0	2,0	2,65	15,9	9,52	
8	Bồn lọc áp lực	5 m ³ /h						

Bảng 3.4. Thiết bị hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Ký hiệu
1	Bơm từ bể gom sang bể điều hòa	02	
2	Bơm điều hòa sang bể thiếu khí	02	SWP – 01/02
3	Bơm tuần hoàn từ bể hiếu khí về bể thiếu khí	02	SWP – 03/04
4	Bơm tuần hoàn bùn từ bể lắng về bể Anoxic và bể chứa bùn nước thải sinh hoạt	02	SWP – 05/06
5	Bơm nước thải từ bể thiếu khí sang bể hiếu khí	01	SWP – 07/08
6	Bơm bùn từ bể lắng về bể chứa bùn	01	SWP – 09/10
7	Bơm định lượng Javen tại bể khử trùng	01	DP – 05
8	Máy khuấy ở bể thiếu khí	01	M – 01`
9	Máy thổi khí	02	AB – 01/02

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Đóng MCCB tổng trong tủ phân phối chính của Hệ thống:

Kiểm tra đèn báo pha, có đủ số pha (3 pha) không.

Kiểm tra nối đất an toàn và cách điện của thiết bị.

Dùng đồng hồ Vôn kiểm tra tình trạng đủ điện áp của nguồn điện.

Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCCB tổng trong tủ điều khiển. Đóng lần lượt các MCB trong tủ cấp nguồn động lực 3 pha cho các thiết bị dùng điện trong hệ thống.

Trình tự và nguyên tắc vận hành các thiết bị:

Có 2 chế độ: Auto - Chạy tự động và Manual - Thao tác bằng tay

Bằng tay: Gạt công tắc chuyển sang Man (máy chạy), gạt công tắc chuyển sang Off (tắt máy).

Tự động: tất cả các thiết bị đều được điều khiển tự động bằng timer đã lập trình sẵn bằng cách gạt công tắc chuyển của các thiết bị sang chế độ Auto.

Chế độ MAN: Bơm chạy độc lập theo người vận hành.

Chế độ AUTO: Bơm chạy luân phiên nhau theo phao báo mức bể và cài đặt thời gian luân phiên theo bảng điều khiển từ máy tính điều khiển.

Chuyển mạch 3 vị trí dùng để chuyển đổi qua lại giữa chế độ MAN và AUTO hoặc OFF.

Đèn vàng báo hiệu thiết bị đang bị quá tải.

Đèn xanh báo hiệu thiết bị đang hoạt động.

Các loại hóa chất sử dụng trong vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Hóa chất khử trùng tại bể khử trùng. Lượng hóa chất khử trùng từ bột Chlorine Trung Quốc sử dụng trung bình 0,5kg/ngày.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải sản xuất:

*** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi chung:**

- Xây dựng nhà xưởng cao, thoáng, lắp đặt hệ thống quạt hút gió, thông gió cưỡng bức nhằm làm giảm lượng bụi bông, bụi sợi.

- Sau mỗi ca sản xuất, bố trí công nhân vệ sinh tiến hành vệ sinh sạch sẽ nhà xưởng trước khi giao ca.

- Công nhân trong các phân xưởng sản xuất bắt buộc phải đeo khẩu trang, quần áo bảo hộ, mũ trong khi làm việc.

- Vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên Nhà máy, phun nước giữ ẩm trên các tuyến đường nội bộ nhằm hạn chế bụi cuốn theo các phương tiện vận chuyển và các phương tiện khác.

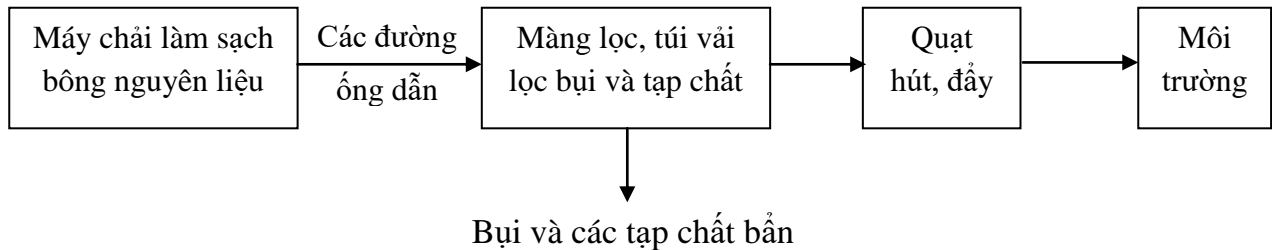
- Các loại phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào Nhà máy phải có bạt che kín thùng xe.

*** Các biện pháp xử lý bụi tại các xưởng sản xuất:**

Sử dụng là các quạt hút công nghiệp có công suất lớn để hút các bụi bẩn trong môi trường làm việc tại các xưởng sản xuất.

- Đối với việc xử lý bụi từ quá trình chải là làm sạch bông nguyên liệu:

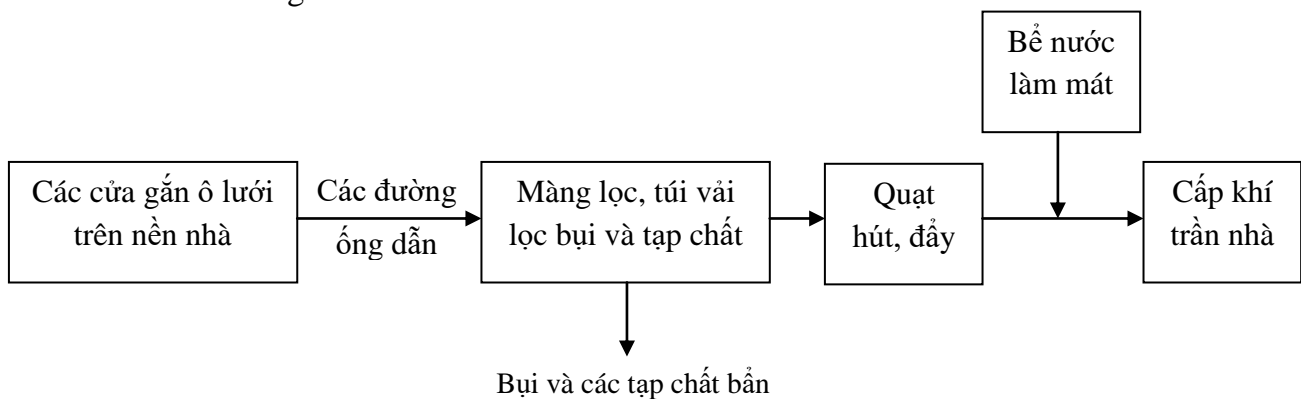
Các kiện bông nguyên liệu được đưa vào máy chải, làm sạch, hút bụi và các tạp chất bản bằng quạt hút có công suất lớn, các tạp chất bản được hút qua hệ thống màng lọc và túi vải lọc bụi sau đó thải ra môi trường bên ngoài.



Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống quạt hút, lọc bụi từ quá trình làm sạch bông nguyên liệu

- Đối với việc xử lý bụi tại các xưởng sản xuất:

Đối với các xưởng sản xuất, sử dụng các quạt hút bụi bông, bụi đất cát trên nền nhà thông qua các cửa gắn ô lưới và đường ống hút, các tạp chất bản sau trên nền nhà và trong môi trường làm việc được hút về bằng các đường ống, sau đó dẫn vào hệ thống màng lọc và túi vải lọc bụi. Tuy nhiên, đối với công đoạn này, khí thải được làm mát và cấp trở lại cho các xưởng sản xuất thông qua các cửa làm mát gắn trên trần nhà mà không thải ra môi trường.



Hình 3.8. Sơ đồ hệ thống quạt hút, lọc bụi từ các xưởng sản xuất

Tất cả các biện pháp lọc bụi trong công đoạn chải làm sạch bông nguyên liệu cũng như lọc bụi từ các xưởng sản xuất là biện pháp lọc khô, sử dụng màng lọc và túi lọc bụi, không sử dụng nước trong quá trình lọc bụi.

Đối với công đoạn chải bông, sau khi được làm sạch bụi thì không khí sạch được thải ra môi trường; đối với công đoạn xử lý bụi tại các nhà xưởng sản xuất thì không khí sau hệ thống lọc bụi được làm mát và cấp điều hòa không khí trong xưởng sản xuất thông qua hệ thống cấp khí trần nhà.



Hình 3.9. Hình ảnh máy lọc bụi tại Nhà máy

Công ty bố trí 06 máy lọc bụi trung tâm. Định kỳ 06 tháng/lần, tiến hành kiểm tra hệ thống máy lọc bụi, trường hợp phát hiện màng lọc và túi lọc bụi bị hỏng sẽ tiến hành thay mới nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý bụi tốt nhất, không để bụi phát tán vào môi trường không khí. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành lấy mẫu quan trắc định kỳ để đánh giá hiệu quả xử lý bụi tại cơ sở sản xuất, nhằm phát hiện ra sự cố tại hệ thống lọc bụi, từ đó có biện pháp sửa chữa hoặc thay thế.

*** Biện pháp điều hòa không khí tại các xưởng sản xuất:**

Trong quá trình sản xuất chất lượng của quá trình công nghệ và chất lượng sản phẩm sợi phụ thuộc không ít vào nhiệt độ và độ ẩm của gian máy. Chế độ nhiệt ẩm thay đổi nhiều sẽ làm cho tính chất cơ lý của nguyên liệu thay đổi theo làm cho chất lượng sản phẩm không ổn định.

Mục đích của điều tiết không khí là tạo ra chế độ nhiệt ẩm trong gian máy theo yêu cầu công nghệ. Trong thực tế khi độ ẩm tương đối của không khí không thay đổi mà nhiệt độ thay đổi thì hồi ẩm của vật liệu ít thay đổi và không đáng kể. Nhưng nếu nhiệt độ không đổi mà độ ẩm không khí thay đổi thì dẫn đến độ hồi ẩm của vật liệu thay đổi, dẫn đến các tính chất của xơ cũng thay đổi như tính đàn hồi, tính liên kết độ bền...

Ngoài ra mục đích của điều tiết không khí còn tạo điều kiện môi trường lao động tốt, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Mặt khác điều tiết không khí là tạo điều kiện sản xuất liên tục và ổn định, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

*** Giảm thiểu ô nhiễm không khí ở các khu vực khác:**

- Tại các khu vực nhà bếp, khu vực vệ sinh có bố trí hệ thống quạt thông gió. Thường xuyên kiểm tra hệ thống dẫn gas để có hình thức xử lý kịp thời, tránh hiện tượng rò rỉ gas xảy ra.

- Đối với rác thải sinh hoạt phải được vận chuyển hàng ngày, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ... và mùi hôi thổi vào môi trường không khí. Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán vào môi trường không khí.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của mùi hôi từ trạm XLNT tập trung:

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế, bố trí trạm XLNT cách xa các khu vực sản xuất.

+ Tuân thủ các yêu cầu vận hành và giám sát.

+ Trồng cây xanh cách ly xung quanh khu vực xử lý chất thải.

- Hạn chế tác động đến môi trường không khí do hoạt động vận chuyển:

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh các tuyến đường nội bộ trong nhà máy, hạn chế bụi phát sinh do gió và các phương tiện giao thông.

+ Những ngày thời tiết khô hanh sẽ được phun ẩm trên các đường giao thông nội bộ để giảm phát tán bụi.

+ Quy định tốc độ tối đa của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm cũng như phương tiện giao thông cá nhân của cán bộ, công nhân làm việc tại nhà máy.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với chất thải rắn là các loại dây buộc, túi nilon đựng bông nguyên liệu được thu gom và phân loại, các loại dây và túi nilon còn sử dụng được thì tận dụng để đóng các kiện là chất thải từ quá trình kéo sợi và xe sợi; đối với các loại dây buộc bị đứt, túi nilon hỏng thì thu gom, tập trung về kho chứa chất thải của Nhà máy và hợp đồng với Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh định kỳ vận chuyển xử lý (xử lý chất thải rắn công nghiệp).

- Chất thải phát sinh từ quá trình chải và làm sạch bông bao gồm: sợi xơ dài, xơ ngắn phát sinh từ máy chải và làm sạch bông tiếp tục được thu gom và đưa vào máy sản xuất sợi kích thước ngắn hơn hoặc bán cho các đơn vị sản xuất sợi chất lượng thấp hơn;

- Các tạp chất chứa trong bông tự nhiên, bụi bông bụi đất cát phát sinh từ hệ thống hút và làm sạch không khí tại các xưởng sản xuất. Các tạp chất bẩn này được giữ lại ở túi vải lọc, sau đó đóng kiện, tập trung về kho chứa chất thải của Nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

Bùn ở bể tự hoại, từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt sẽ được Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng (dự kiến là Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp

Hà Tĩnh) sử dụng phương tiện chuyên dụng, định kỳ từ 1 - 2 năm/lần tiến hành hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Bùn từ hoạt động nạo vét hệ thống thoát nước trong khu vực Nhà máy được thu gom, tập trung về khu vực trồng cây xanh trong Nhà máy.

Khu vực chứa rác thải của Nhà máy được bố trí tại khu vực phía Đông Nam của Nhà máy (vị trí số 14 trong bản đồ quy hoạch). Khu vực tập kết chất thải rắn kết hợp với kho vật tư, có tổng diện tích 519m², được xây dựng có tường bao, có mái che, phân chia khu vực tập kết các loại chất thải khác nhau.



Hình 3.10. Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường

3.2. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt: bao gồm rác thực phẩm từ nhà ăn và chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân nhà máy được phân loại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 như sau:

- Đối với khu nhà hành chính: Trong phòng làm việc bố trí 02 thùng đựng rác có ký hiệu khác nhau loại 20 lít (01 hộp đựng các loại rác hữu cơ dễ phân hủy và 01 hộp đựng các loại chất thải có khả năng tái chế như chai nhựa, lon bia...), ở hành lang 02 thùng đựng rác dung tích 240l có ký hiệu khác nhau để thu gom.

- Khu vực bếp ăn bố trí 03 thùng đựng rác có ký hiệu khác nhau loại 120 lít để thu gom.

- Đối với nhà xưởng sản xuất, nghiêm cấm công nhân ăn uống trong giờ làm việc và tại các cổng vào xưởng sản xuất, bố trí 03 thùng đựng composite, dung tích 120 lít để thu gom rác thải của công nhân trước khi vào xưởng sản xuất.

- Trong khuôn viên Nhà máy: bố trí 06 thùng thu gom rác, thể tích mỗi thùng thu gom rác trong khuôn viên là 120 lít.

- Công ty thành lập đội vệ sinh hàng ngày vệ sinh khuôn viên toàn Nhà máy, thu gom tất cả các loại chất thải rắn phát sinh và tập trung về khu vực chứa rác thải tạm thời tại khu vực phía Đông Nam của Nhà máy (vị trí số 14 trong bản đồ quy hoạch). Khu vực tập kết chất thải rắn kết hợp với kho vật tư, có tổng diện tích 519m², được xây dựng có tường bao, có mái che, phân chia khu vực tập kết các loại chất thải khác nhau; trong kho bố trí 3 thùng rác HDPE dung tích 240l để phân loại rác.



Hình 3.11. Kho tập kết chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn có khả năng tái chế như: Đồ hộp, lon bia, túi nilon, giấy carton... được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Các loại chất thải không có khả năng tái chế còn lại thì hợp đồng với Công ty CP Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh định kỳ (01 lần/tuần) vận chuyển đi xử lý.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này bao gồm: Các loại bóng đèn bị hỏng, bo mạch điện tử, các loại pin như pin đồng hồ, pin điều khiển, dầu và giẻ lau có dính dầu mỡ phát sinh trong quá trình lau chùi, bảo dưỡng dây chuyền thiết bị sản xuất... Hình thức xử lý như sau:

- Tại mỗi xưởng sản xuất và các khu nhà điều hành của Nhà máy, bố trí 02 hộp đựng chất thải nguy hại và có ký hiệu riêng có thể tích 50 lít để thu gom (01 hộp đựng các loại bóng đèn hư hỏng; 01 hộp đựng các loại giẻ lau dính dầu mỡ phát sinh trong quá trình lau

chùi, bảo dưỡng máy móc thiết bị), yêu cầu tất cả cán bộ, công nhân có hình thức thu gom chất thải nguy hại và tập trung vào thùng đựng riêng theo quy định.

- Đối với khu vực nhà điều hành, khu vực văn phòng, bố trí 02 hộp đựng chất thải nguy hại có ký hiệu riêng có thể tích 50 lít (01 hộp đựng bóng đèn, 01 hộp đựng các loại bo mạch điện tử, các loại pin hỏng...), yêu cầu các nhân viên của Nhà máy tiến hành thu gom chất thải nguy hại và tập trung vào hộp đựng theo ký hiệu.

- Định kỳ hàng tháng sẽ giao cho tổ thu gom rác thải chung, vận chuyển về khu vực tập kết rác thải nguy hại. Tại khu vực tập kết, Công ty bố trí 03 thùng loại 120l và có ký hiệu riêng để tập kết rác thải nguy hại (01 thùng đựng bóng đèn hỏng; 01 thùng đựng bo mạch điện tử, pin hỏng các loại...; 01 thùng đựng giẻ lau có dính dầu mỡ).

Khu vực chứa chất thải nguy hại tập trung của Nhà máy được bố trí tại khu vực chứa rác thải tạm thời tại khu vực phía Đông Nam của Nhà máy (vị trí số 14 trong bản đồ quy hoạch). Khu vực tập kết chất thải rắn kết hợp với kho vật tư, có tổng diện tích 519m², được xây dựng có tường bao, có mái che, phân chia khu vực tập kết các loại chất thải khác nhau, có biển báo.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 2 năm/lần vận chuyển xử lý theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NDD-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường (dự kiến Công ty TNHH MTV chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh). Ngoài ra để thuận tiện cho các cơ quan chức năng trong việc quản lý nguồn và thành phần các loại chất thải nguy hại phát sinh, định kỳ báo cáo quản lý CTNH định kỳ hàng năm gửi lên cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các tấm vật liệu hút âm trên trần, trên tường, treo trong không gian nhà xưởng để hấp thu âm lan truyền trong không khí và phản xạ từ các vật dụng khác.

- Máy phát điện được đặt tại trạm biến áp đã có sẵn (550kVA-35/0,4kV), ngay góc phía Đông Bắc của dự án; bao bọc bằng vỏ cách âm có nhiều lớp: bên ngoài là thép lá dày 2mm có gân tăng cứng; phía trong có vật liệu xốp có các lỗ rỗng nhỏ thông với nhau, thường dùng bông thủy tinh dày 50mm; tiếp theo là lớp vải lót và lớp tôn lỗ để bảo vệ lớp vật liệu xốp.

- Sử dụng các loại máy móc, thiết bị hiện đại, có mức ồn thấp để giảm bớt tiếng ồn do chúng gây ra; nền nhà được cấu tạo bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 150mm, đảm bảo độ vững chắc để lắp đặt máy móc thiết bị, chân có lắp các tấm đệm cao su chống rung.

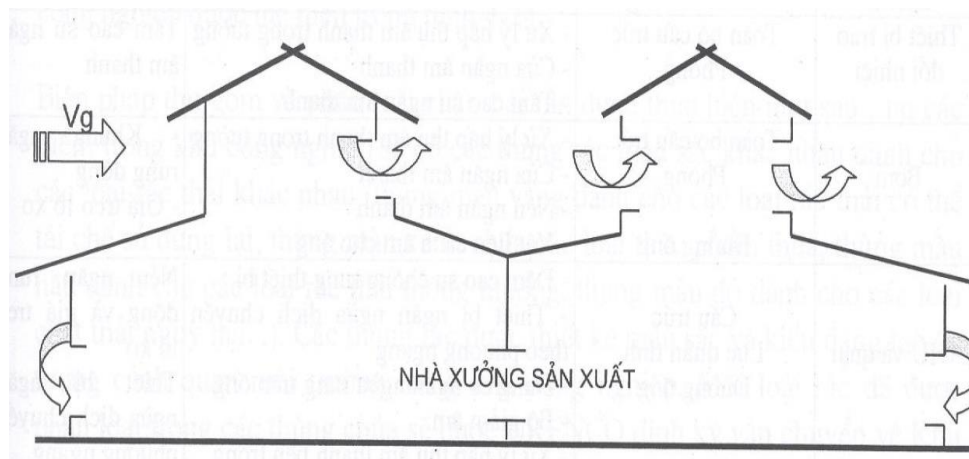
- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra vào khu vực dự án hạn chế dùng còi.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các thiết bị máy móc định kỳ.

- Trang bị bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc, đặc biệt là sử dụng nút bịt tai khi tiếp xúc với các loại máy có độ ồn cao.

- Tăng cường trồng cây xanh xung quanh nhà máy để giảm lan truyền tiếng ồn theo quy hoạch được duyệt.

- Hoạt động vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu và sản phẩm được tiến hành vào ban ngày, hạn chế ảnh hưởng đến người dân trong khu vực.



Hình 3.12. Sơ đồ thông gió cho nhà xưởng sản xuất

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

6.1. Đối với nước thải

- Kiểm soát chặt chẽ lưu lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với hệ thống thu gom nước thải: Đảm bảo thu gom được toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các hoạt động của Nhà máy về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận; thường xuyên kiểm tra, nạo vét bùn, rác thải ở các hố ga và bể lắng tránh để tình trạng hệ thống thu gom bị tắc nghẽn.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: lỗi của hệ thống được bộ điều khiển giám sát và báo động qua chuông báo. Khi 1 thiết bị trong hệ thống có lỗi xuất hiện, tùy theo mức độ mà hệ thống sẽ cảnh báo bằng chuông, bằng đèn vàng, khi phát sinh sự cố nhân viên vận hành hệ thống khóa van thoát nước sau hệ thống xử lý, đồng thời kiểm tra, xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra sự cố hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt thì nước thải sẽ được lưu tại bể điều hòa, bể gom với thời gian lưu nước tối đa là 22 giờ đồng thời khẩn trương khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải để sớm đưa hệ thống về hoạt động.

Để giảm thiểu các sự cố của hệ thống xử lý nước thải, Công ty đã lắp đặt thêm các thiết bị dự phòng, gồm: bơm chìm nước thải, bơm chìm bùn, máy khuấy, máy thổi khí; định kỳ kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, các thiết bị nào hư hỏng sẽ được sửa chữa và thay thế khắc phục để đảm bảo xử lý nước thải đạt QCVN trước khi thải ra môi trường

- Đối với trường hợp nếu hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố:

Bảng 3.5. Sự cố thường gặp của Hệ thống xử lý nước thải và phương án xử lý

HIỆN TƯỢNG	NGUYÊN NHÂN	CÁCH XỬ LÝ
Bơm không khởi động được hoặc khởi động được nhưng ngừng ngay	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguồn điện cung cấp không phù hợp. 2. Bảng điều khiển bị sự cố. 3. Có vật lạ vướng vào cánh bơm. 4. Motor bị hỏng. 5. Hở mạch. 6. Phao bơm bị sự cố. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nói với nguồn của cty hoặc xưởng. 2. Tìm ra nguyên nhân để sửa chữa. 3. Kiểm tra bơm và lấy vật lạ ra khỏi cánh bơm nếu có. 4. Sửa chữa hoặc thay thế. 5. Thay thế hoặc nối với dây nguồn khác. 6. Loại bỏ những sự cố và kiểm tra lại sự hoạt động của phao bơm.
Thiết bị bảo vệ motor ngắt	<ol style="list-style-type: none"> 1. Motor bị hỏng 2. Làm việc ở tần số 50 Hz, nhưng lại dùng 60 Hz. 3. Nhiệt độ của nước > 40oC . 4. Bơm hoạt động trong không khí 1 thời gian dài. Do mực nước quá cạn. 5. Cường độ dòng điện bị quá tải 6. Phao chế độ ngừng bị hư. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa chữa hoặc thay thế 2. Kiểm tra lại bảng tên và thay thế bơm. 3. Làm giảm nhiệt độ nguồn nước. 4. Dừng bơm sau đó kiểm tra lại mức nước. 5. Kiểm tra lại hệ thống: bơm, đường ống, van... 6. Kiểm tra sự cố và kiểm tra sự hoạt động của phao dừng.
Bơm vẫn hoạt động nhưng không có nước	<ol style="list-style-type: none"> 1. Có không khí trong bơm. 2. Bơm hoặc ống bị nghẹt 3. Ống bị nghẹt cục bộ hoặc van hoạt động không đúng cách. 4. Motor quay ngược chiều. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Dừng bơm ngay tức khắc sau đó khởi động lại hoặc loại bỏ khí ra khỏi bơm. 2. Làm sạch những vật gây nghẹt. 3. Loại bỏ vật gây nghẹt hoặc sửa chữa hoặc thay thế van. 4. Đổi đầu dây nguồn cung cấp.
Lượng nước bơm ra không nhiều	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cánh bơm hoặc vỏ bơm bị mòn, hỏng. 2. Tồn thất đường ống quá lớn. 3. Mực nước quá thấp, nước bơm lên có lẫn không khí. 4. Bơm sử dụng 60 Hz, nhưng lại dùng 50 Hz. 5. Đường ống bị rò rỉ. 6. Ống hoặc bơm bị nghẹt bởi vật lạ. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sửa chữa hoặc thay thế. 2. Xem xét lại cách bố trí đường ống. 3. Nâng cao mực nước lên. Hoặc hạ thấp vị trí của bơm xuống. 4. Kiểm tra bảng tên và thay thế bơm hoặc cánh bơm. 5. Kiểm tra và sửa chữa. 6. Làm sạch vật lạ vướng vào bơm.

Dòng điện quá tải	<ol style="list-style-type: none"> 1. Điện áp nguồn cung cấp không ổn định. 2. Giảm điện áp. 3. Bị mất pha. 4. Bơm dùng 50 Hz, nhưng sử dụng 60 Hz. 5. Motor quay ngược chiều. 6. Bơm bị vướng vật lạ. 7. Bạc đạn của motor bị hỏng. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nói với nguồn điện của công ty. 2. Kiểm tra sự tiếp xúc của công tắc điện. 3. Kiểm tra bảng tên và thay thế bơm. 4. Đổi đầu dây nguồn. 5. Loại bỏ vật lạ vướng vào bơm. 6. Tháo bơm ra và thay bạc đạn.
Bơm làm việc ở chế độ tự động nhưng không ngừng được	<ol style="list-style-type: none"> 1. Chế độ khởi động và dừng của phao bơm có vấn đề. Công tắc của phao bơm bị hỏng. 2. Mực nước cài đặt chế độ ngừng thấp hơn mực nước tối thiểu để bơm hoạt động. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Loại bỏ sự cố, hoặc thay thế phụ tùng. 2. Cài đặt lại mực nước của phao dừng cao hơn mực nước tối thiểu để bơm hoạt động.
Bơm vận hành không đúng	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cài đặt phao chưa đúng. 2. Có bộ phận của bơm bị sự cố. 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Cài đặt lại mực nước cho đúng. 2. Sửa chữa hoặc thay thế bơm.

6.2. Đối với bụi, khí thải

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng quạt hút, đẩy, quạt thông gió theo hướng dẫn nhà sản xuất.

- Thường xuyên vệ sinh và thay mới màng lọc, túi vải lọc bụi.

6.3. Đối với chất thải rắn

Công ty áp dụng những biện pháp sau:

- Có chương trình kiểm tra sức khỏe định kỳ cho công nhân viên nhà máy.

- Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường cho nhân viên. Thực hiện thường xuyên và có khóa học về các chương trình vệ sinh và quản lý chất thải.

- Đôn đốc và giáo dục cán bộ, công nhân viên trong Nhà máy thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị lưu chứa, sửa chữa và thay thế các thiết bị cũ hỏng.

- Giám sát thường xuyên việc thu gom vận chuyển xử lý đối với các đơn vị đối tác đã ký hợp đồng vận chuyển chất thải cho nhà máy.

6.4. Phòng ngừa, ứng cứu sự cố cháy nổ

* Để ứng phó với sự cố cháy nổ khu vực Nhà máy, Công ty thực hiện các biện pháp như sau:

- Báo động đến toàn bộ nhân viên, công nhân trong Nhà máy, cắt điện toàn bộ khu vực xảy ra sự cố. Cử người gọi điện hỗ trợ chữa cháy đến cảnh sát PCCC khẩn cấp.

- Tổ chức chữa cháy bằng các loại trang thiết bị chữa cháy tại chỗ đã có sẵn để dập lửa và chống cháy lan ra khu vực xung quanh.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

- Liên hệ với chính quyền địa phương, lực lượng công an, quân đội đóng trên địa bàn để phối hợp chữa cháy.

- Tổ chức sơ tán người và tài sản, sản phẩm ra khỏi khu vực cháy và khu vực có nguy cơ cháy lan. Nếu có người bị nạn phải sơ cứu tại chỗ và đưa đi bệnh viện khẩn cấp.

* Phòng chống cháy nổ cho trạm biến áp:

- Phải lắp đặt thiết bị thu sét để ngăn chặn sự cố sét đánh thẳng vào trạm biến áp gây ra sự cố cháy nổ.

- Khi làm việc tại trạm biến áp phải thực hiện các quy định bắt buộc đối với thiết bị điện, cần thiết phải ngắt điện trước khi sửa chữa, thay thế trạm biến áp.

- Trạm biến áp được bảo dưỡng định kỳ, thay dầu cách điện theo đúng kỹ thuật đảm bảo hoạt động của trạm.

- Khi trạm biến áp xảy ra sự cố, cần phải huy động lực lượng chuyên môn đến sửa chữa, thay thế kịp thời, người không có chuyên môn, không được tự ý xử lý.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt theo Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 08 tháng 07 năm 2021.

Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy có một số nội dung thay đổi so với với ĐTM đã được phê duyệt để phù hợp hơn với tình hình thực tế sản xuất của nhà máy, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục công trình	Quyết định ĐTM	Thực tế xây dựng	Nội dung thay đổi
CÁC HẠNG MỤC TRONG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI				
1	Bể thu gom	Không có	Có bể thu gom, thể tích 7,92m ³	Bổ sung thêm bể thu gom để thu gom nước thải trước khi vào bể điều hòa.
2	Bể điều hòa	Thể tích bể 55m ³	Thể tích bể 28,9m ³	Giảm thể tích bể để phù hợp với thời gian lưu lắng
3	Bể thiếu khí	Thể tích bể 17m ³	Thể tích bể 11,93m ³	Giảm thể tích bể để phù hợp với thời gian lưu lắng
4	Bể hiếu khí	Thể tích bể 22m ³	Thể tích bể 29,89m ³	Tăng thể tích bể để phù hợp với thời gian lưu

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

				lắng
4	Bể lắng sinh học	Thể tích bể 7m ³	Thể tích bể 16,7m ³	Tăng thể tích bể để phù hợp với thời gian lưu lắng
6	Bể khử trùng	Thể tích bể 1m ³	Thể tích bể 6,76m ³	Tăng thể tích bể để phù hợp với thời gian lưu lắng
7	Bể chứa bùn	Thể tích bể 6m ³	Thể tích bể 15,9m ³	Tăng thể tích bể để phù hợp với thời gian lưu lắng

Những thay đổi nội dung về các bể của hạng mục xử lý nước thải so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt nhằm tăng hiệu quả xử lý nước thải của toàn Nhà máy, không gây tác động xấu đến môi trường so với phương án đã được phê duyệt trong quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Như vậy, hiện tại Nhà máy đã thay đổi kích thước bể so với nội dung kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực. Căn cứ khoản a mục 4 Điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 thì việc đánh giá tác động môi trường lại đối với Nhà máy này là không phải thực hiện.

Chương IV
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình đào thải của con người (phân và nước tiểu) của nhà WC;
- + Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực bếp, nhà ăn;
- + Nguồn số 03: Nước thải từ chậu rửa mặt, tay,...

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa: lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là 35,81 m³/ngày đêm, tương đương 1,49 m³/giờ.

1.3. Dòng nước thải

Dòng nước thải: số lượng dòng nước thải đề nghị cấp phép là 01 (một) dòng. Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A (K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, được đấu nối với hệ thống thoát nước khu vực và dẫn ra nguồn tiếp nhận sông Nhà Lê.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm đáp ứng theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT cột A (K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

Bảng 4.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	30
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	6
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

Ghi chú:

QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

$$C_{max} = C \times K$$

C_{max}: Là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả nguồn tiếp nhận nước thải.

C: Là giá trị của thông số ô nhiễm quy định tại Bảng 1 mục 2.2 của QCVN 14:2008/BTNMT.

K: là hệ số tính tới quy mô, loại hình cơ sở dịch vụ, cơ sở công cộng và chung cư quy định tại mục 2.3 QCVN 14:2008/BTNMT. Đối với loại hình cơ sở sản xuất trên 500 người thì K = 1.

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A₁ và A₂ của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: vị trí đầu nối với mương thoát nước thải của hệ thống thoát nước CCN Nam Hồng tại thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m) = 2047782; Y(m) = 0521888.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A (K=1) chảy theo đường ống D300 sau đó chảy vào mương thoát nước thải của hệ thống thoát nước CCN Nam Hồng.

- Chu kỳ xả thải: liên tục, 24h/ngày.đêm.

- Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 35,81 m³/ngày đêm.

- Vị trí nguồn tiếp nhận: sông Nhà Lê, tại phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh khí thải từ 03 nguồn:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu vực dự án;
- Hoạt động của thiết bị máy móc, động cơ điện (như máy cắt, máy may, máy bơm, máy thổi khí của trạm xử lý nước thải tập trung, máy điều hoà...);
- Hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

Nguồn phát sinh tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng: Có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°) X(m) = 2047877; Y(m) = 0521816.

- Các hoạt động phát sinh tiếng ồn khác (hoạt động của phương tiện giao thông,...) là nguồn phân tán, không tập trung nên không xác định tọa độ cụ thể.

2.3. Giá trị giới hạn của tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị đo	Giới hạn giá trị	Quy chuẩn áp dụng
1	Tiếng ồn	dBA	85	QCVN 24:2016/BYT

b. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành hệ thống nước thải

Công trình	Quy mô	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung	40 m ³ /ngày đêm	01/9/2024	01/12/2024

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 5.2. Kế hoạch lấy mẫu nước thải giai đoạn vận hành ổn định

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Số mẫu	Thời gian, Tần suất	Quy chuẩn so sánh
1	1 mẫu nước đầu vào HTXL (bể gom)	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , dầu mỡ động thực vật, tổng chất rắn hòa tan, tổng chất hoạt động bề mặt, Sunfua, tổng Coliform	01 mẫu	01 lần/03 ngày trong thời gian vận hành ổn định	QCVN 14:2008/BTNMT Cột A - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
2	1 mẫu nước đầu ra sau HTXL (sau bể khử trùng)		03 mẫu	01 lần/01 ngày (trong 3 ngày liên tục) trong thời gian vận hành ổn định	

1.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Đơn vị lấy mẫu phân tích: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

Địa chỉ: Số 06 đường La Sơn Phu Tử, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 061 (cấp lần 03) do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm số 061/TN-QTMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2022.

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo định tại Điều 111 của Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và theo Quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐCP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500m³/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Như vậy, Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động liên quan đến dự án;
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do các hoạt động của dự án gây nên;
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân trong quá trình hoạt động;
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về môi trường theo quy định;
7. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
8. Cam kết thực hiện nghiêm túc quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải, nếu để xảy ra sự cố và vượt ngưỡng cho phép thì Công ty phải dừng ngay hoạt động để khắc phục.
9. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án:
 - Nước thải: nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung nằm trong giới hạn cho phép tại cột A, QCVN 14:2008/BTNMT;
 - Tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức ồn tại nơi làm việc;
 - Không khí khu vực xung quanh nhà xưởng đạt Tiêu chuẩn Vệ sinh lao động của Bộ Y tế và vi khí hậu đạt QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu nơi làm việc;
 - Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
10. Thực hiện việc lập, gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình BVMT theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chấp hành chế độ báo cáo công tác BVMT hàng năm theo các quy định pháp luật nêu trên.

11. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi được cấp phép môi trường quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Quyết định phê duyệt tổng mặt bằng;
3. Hợp đồng thuê đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
4. Văn bản thẩm duyệt thiết kế PCCC;
5. Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng hoặc giấy phép xây dựng;
6. Quyết định phê duyệt ĐTM;
7. Bản vẽ hoàn công Hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, xử lý nước thải sinh hoạt;
8. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục bàn giao đưa vào sử dụng (Trạm xử lý nước thải).

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3002201892

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 11 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 29 tháng 03 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGHE TINH YARN JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 38, đường Nguyễn Xuân Linh, tổ dân phố 5, Phường Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh,
Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam*

Điện thoại: 0984280866

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040184001504

Ngày cấp: 08/11/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về
dân cư

Địa chỉ thường trú: *Tổ 35, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình,
Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 35, Phường Trần Lãm, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt
Nam*



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Việt Sao

Trần Việt Sao

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 168 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
**Dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng,
thị xã Hồng Lĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020 và Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Thực hiện Văn bản số 8909/BKHĐT-PC ngày 31/12/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai thi hành Luật Đầu tư;

Thực hiện Thông báo số 47-TB-TU ngày 12/01/2021 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại CCN Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh tại Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư đề ngày 19/11/2020 và Hồ sơ kèm theo; theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 07/BC-SKHĐT ngày 07/01/2021 (sau khi tổng hợp ý kiến của các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận Nhà đầu tư:

- Công ty cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh; mã số doanh nghiệp 3002201892, do Phòng ĐKKD - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp đăng ký lần đầu ngày 10/11/2020.

- Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 38 đường Nguyễn Xuân Linh, tổ dân phố 5, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Số điện thoại: 0984280866
- Người đại diện theo pháp luật: Phan Thị Thu
- + Chức danh: Giám đốc
- + Sinh ngày: 19/9/1984; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.
- + Thẻ căn cước công dân số 040184001504; Ngày cấp: 8/11/2017; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- + Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 35, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- + Chỗ ở hiện tại: Tổ 35, phường Trần Lãm, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án: Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh.
2. Mục tiêu dự án: Sản xuất sợi phục vụ công nghiệp may mặc.
3. Quy mô dự án: Sản xuất sợi OE với công suất 18.720 tấn/năm.
4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN V thuộc Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.
5. Diện tích và phạm vi, ranh giới khu đất:
 - Diện tích đất sử dụng: Khoảng 54.648m².
 - Phạm vi, ranh giới khu đất:
 - + Phía Đông Bắc giáp: Lô đất ký hiệu CN III và CN IV;
 - + Phía Tây Nam giáp: Đường quy hoạch;
 - + Phía Tây Bắc giáp: Đất đã giao cho Công ty CP TMTH Hồng Phúc và Công ty CP Đình Việt Hà Tĩnh;
 - + Phía Đông Nam giáp: Đường quy hoạch.

(Diện tích, phạm vi, ranh giới khu đất sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết và thực hiện thủ tục về đất đai)

6. Tổng vốn đầu tư dự án: 599,98 tỷ đồng (Năm trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng).

Trong đó:

- Giai đoạn 1: 292,728 tỷ đồng;
- Giai đoạn 2: 161,189 tỷ đồng;
- Giai đoạn 3: 146,063 tỷ đồng.

7. Nguồn vốn: Vốn chủ sở hữu 179,98 tỷ đồng; vốn vay và huy động khác 420 tỷ đồng.

8. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày ban hành Quyết định chủ trương đầu tư.

9. Tiến độ thực hiện dự án:

- Giai đoạn 1 (Hoàn thành các thủ tục đầu tư; triển khai xây hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống văn phòng, nhà làm việc; lắp đặt 01 hệ thống dây chuyền cung bông và máy chải TC19, 09 máy kéo sợi, 03 máy ép kiện...): Hoàn thành trước ngày 31/12/2022.

- Giai đoạn 2 (Đầu tư xây dựng thêm 01 hệ thống dây chuyền cung bông và 09 máy chải TC19, 09 máy kéo sợi, 03 máy ép kiện...): Hoàn thành trước ngày 31/12/2023.

- Giai đoạn 3 (Đầu tư xây dựng thêm 01 hệ thống dây chuyền cung bông và 08 máy chải TC19, 08 máy kéo sợi, 03 máy ép kiện...): Hoàn thành trước ngày 31/12/2024.

Điều 2. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Triển khai thực hiện dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và các quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư; tuân thủ các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động, đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

3. Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy đảm bảo năng lực, đáp ứng yêu cầu để triển khai thực hiện, quản lý vận hành khi dự án đi vào hoạt động. Khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thủ tục đầu tư và các thủ tục liên quan theo quy định. Đảm bảo nguồn vốn thực hiện dự án theo đúng hồ sơ đề xuất dự án và quy định của pháp luật.

4. Tiếp thu, thực hiện nghiêm túc ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến thẩm định dự án của các sở, ngành, địa phương tại Báo cáo thẩm định số 07/BC-SKHĐT ngày 07/01/2021. Chủ động, phối hợp chặt chẽ với UBND thị xã Hồng Lĩnh và các đơn vị liên quan trong quá trình giải phóng mặt bằng, bàn giao đất, thuê đất; thi công xây dựng và quản lý, vận hành dự án.

5. Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo đúng quy định.

6. Thực hiện nghiêm túc các quy định về môi trường; triển khai thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường đúng quy định, hiệu quả.

7. Định kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm có báo cáo bằng văn bản gửi các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương và UBND thị xã Hồng Lĩnh về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung: Tiến độ xây dựng dự án, vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh



doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, xử lý và bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động và các nội dung liên quan khác.

8. Thực hiện đầy đủ các nội dung chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy Hà Tĩnh tại Văn bản số 47-TB/TU ngày 12/01/2021.

9. Cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét chấm dứt hoạt động Dự án mà không bồi thường, hoàn trả các chi phí liên quan đến các công việc đã thực hiện đối với Dự án trong trường hợp Nhà đầu tư thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung cam kết và quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư, hoặc vi phạm các quy định khác mà theo quy định của pháp luật Dự án bị chấm dứt hoạt động.

Điều 4. Trách nhiệm của các Sở, ngành và địa phương:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện đầy đủ thủ tục đầu tư để triển khai Dự án theo đúng quy định; phối hợp với các sở, ngành, địa phương thường xuyên theo dõi, giám sát việc tuân thủ các nội dung Quyết định chủ trương đầu tư trong quá trình hoạt động đầu tư của Nhà đầu tư.

2. Sở Xây dựng: Hướng dẫn Nhà đầu tư lập và tổ chức thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất của dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Theo dõi, giám sát việc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình dự án của Nhà đầu tư đảm bảo đúng Quyết định chủ trương đầu tư, quy hoạch được duyệt và đúng quy định hiện hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đất đai, môi trường theo đúng quy định; theo dõi, quản lý việc sử dụng đất, chấp hành các giải pháp về bảo vệ môi trường và các vấn đề liên quan khác của dự án.

4. Sở Công Thương: Hướng dẫn, hỗ trợ Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng quy định, hiệu quả; thực hiện quản lý cụm công nghiệp theo đúng quy định, thẩm quyền.

5. UBND thị xã Hồng Lĩnh: Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác GPMB theo đúng quy định; hướng dẫn, phối hợp với nhà đầu tư thực hiện công tác quy hoạch, GPMB, bàn giao đất, cho thuê đất; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện dự án, thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường của nhà đầu tư; hướng dẫn, đôn đốc, giải quyết kịp thời các hồ sơ thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện dự án.

6. Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh: Theo chức năng nhiệm vụ hướng dẫn, hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện các hồ sơ thủ tục theo đúng quy định; thường xuyên theo dõi, nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc của Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án để tham mưu, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết theo đúng quy định.

7. Các Sở, ngành, đơn vị liên quan khác: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, giúp đỡ Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án đúng quy định, có hiệu quả.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Hồng Lĩnh; Chủ tịch UBND phường Nam Hồng; Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh (Nhà đầu tư) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PVP UBND tỉnh (phụ trách);
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT₁.



Trần Tiến Hưng



Số: 04 /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

**Dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng,
thị xã Hồng Lĩnh**

(Cấp lần đầu: ngày 13 tháng 01 năm 2021
Điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 02 tháng 02 năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 445/BC-SKHĐT ngày 28/12/2022 (trên cơ sở đề xuất của Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh tại Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đề ngày 02/12/2022 và Hồ sơ kèm theo; ý kiến của các sở, ngành, địa phương liên quan);

Trên cơ sở thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh và các đơn vị liên quan (tại Thông báo số 14/TB-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh về Kết luận họp UBND tỉnh ngày 12/01/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh của Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh (đã được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày

13/01/2021), với nội dung điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án quy định tại khoản 9 Điều 1 Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh như sau:

“9. Tiến độ thực hiện dự án:

- *Giai đoạn 1 (Hoàn thành các thủ tục đầu tư; triển khai xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống văn phòng, nhà làm việc; lắp đặt 01 hệ thống dây chuyền cung bông và máy chải TC19, 09 máy kéo sợi, 03 máy ép kiện...): Hoàn thành trước ngày 31/12/2024.*

- *Giai đoạn 2 (Đầu tư xây dựng thêm 01 hệ thống dây chuyền cung bông và 09 máy/chải TC19, 09 máy kéo sợi, 03 máy ép kiện...): Hoàn thành trước ngày 31/12/2025.*

- *Giai đoạn 3 (Đầu tư xây dựng thêm 01 hệ thống dây chuyền cung bông và 08 máy chải TC19, 08 máy kéo sợi, 03 máy ép kiện...): Hoàn thành trước ngày 31/12/2026.”*

Điều 2. Trong mọi trường hợp, Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh (Nhà đầu tư), Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thẩm định, tham mưu) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra về tính chính xác đối với thông tin, số liệu báo cáo, cam kết, nội dung thẩm định tại Văn bản đề xuất điều chỉnh dự án, Hồ sơ kèm theo và Báo cáo thẩm định nêu trên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Trách nhiệm của Nhà đầu tư:

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh, các nội dung quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Khẩn trương hoàn thành các hồ sơ, thủ tục đầu tư có liên quan; tập trung nguồn lực triển khai thi công, xây dựng hoàn thành dự án đúng quy định, đúng tiến độ và phát huy hiệu quả.

2. Trách nhiệm các Sở, ngành và địa phương liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, hỗ trợ Nhà đầu tư thực hiện dự án đúng quy định, đúng tiến độ và các nội dung được phê duyệt; đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với dự án theo quy định.

Điều 4. Điều khoản thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 168/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Cục Thống kê tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Hồng Lĩnh; Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và Xúc tiến đầu tư tỉnh; Giám đốc

Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh (Nhà đầu tư) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh; lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT₁.

Trần Báu Hà

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Báu Hà



QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sợi
Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỷ lệ 1/500**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 20/02/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng và cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 19/4/2019;

Căn cứ Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 26/4/2014 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1/500;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về chủ trương đầu tư dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh.

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần sợi Nghệ Tĩnh tại Tờ trình số 18/TTr-CT ngày 29/3/2021; Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 137/SXD-QHHT ngày 07/4/2021 về đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỷ lệ 1/500.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỷ lệ 1/500 với các nội dung sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh; tỷ lệ 1/500.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Công ty Cổ phần sợi Nghệ Tĩnh.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Quy hoạch: Liên danh Công ty Cổ phần Global và Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thành Sen.

4. Vị trí, quy mô, ranh giới quy hoạch

a) Vị trí: Tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

b) Phạm vi ranh giới:

- Phía Đông Bắc: Giáp lô đất ký hiệu CNIII và CNIV.

- Phía Tây Nam: Giáp Đường Quy hoạch.

- Phía Tây Bắc: Giáp Công ty CP TMTTH Hồng Phúc và Công ty CP Đinh Việt Hà Tĩnh

- Phía Đông Nam : Giáp đường quy hoạch.

c) Quy mô diện tích lập quy hoạch: 55.096 m².

5. Tính chất, mục tiêu quy hoạch

a) Tính chất: Là khu sản xuất sợi (phục vụ công nghiệp may mặc).

b) Mục tiêu:

- Cụ thể hóa đồ án Quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp Nam Hồng đã được phê duyệt.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Bảng tổng hợp cơ cấu sử dụng đất và chỉ tiêu quy hoạch:

TT	Kí hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao (tầng)	Mật độ XD (%)	Hệ số SĐĐ (lần)
1	CN	Đất nhà máy + kho tàng	28.962,3	52,57	1	52,57	0,52
2	ĐHC	Đất khu hành chính + ăn + nghỉ ca	750,0	1,36	2	1,36	0,027
3	ĐPT	Đất công trình phụ trợ	752,0	1,36	1	1,36	0,013
4	ĐCX	Đất cây xanh	11.076,8	20,10			
5	ĐMN	Đất mặt nước	896,5	1,63			
6	ĐGT-ĐMHT	Đất giao thông + đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	12.658,4	22,98			
		TỔNG	55.096,0	100,00			

7. Bố cục quy hoạch

Không gian các công trình chức năng được bố trí với các giải pháp quy hoạch như sau:

- Công trình nhà kho được bố trí phía Tây Bắc khu quy hoạch.
- Công trình Nhà máy sản xuất bố trí giữa khu đất quy hoạch.
- Các công trình phụ trợ, cây xanh bố trí phân bố trong khu đất quy hoạch.
- Khu điều hành và Khu xử lý nước thải, Trạm Biến áp bố trí phía Đông Nam khu đất quy hoạch.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông:

Cốt không chế mạng lưới đường theo bản vẽ quy hoạch. Quy hoạch hệ thống giao thông tổng hợp theo bảng sau:

TT	Mặt cắt	Chiều rộng mặt cắt ngang (m)		
		Mặt đường (m)	Bờ cây(m)	Nền đường (m)
1	1-1	1x21,0		21,0
2	2-2	1x10,0	2x4,0	18,0
3	3-3	7,5+ 4,4	2x3,0+4,4	20,3
4	4-4	17,0	1,5	18,5
5	5-5	9,0		9,0
6	6-6	6,0	2,0	8,0

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật

- San nền: Cao độ san nền từ +3,64m đến +4,16m. Hướng san nền từ Đông Nam dốc sang Tây Bắc.

- Thoát nước mưa: Nước mưa thoát theo nguyên tắc tự chảy; hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với nước thải. Nước mưa sau khi thu vào các hố ga, được thu gom qua hệ thống đường ống D600 rồi ra hệ thống thoát nước của khu vực.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Lấy từ đường ống cấp nước D110 phía Tây của đường Nguyễn Đồng Chi.

- Mạng lưới cấp nước: Từ điểm đầu nối, nước được dẫn theo đường ống D75, rẽ nhánh theo các đường ống phân phối D50 dọc theo các tuyến đường đến các nơi có nhu cầu dùng nước.

- Cấp nước chữa cháy: Các họng chữa cháy bố trí trên các đường ống có đường kính \geq D100, tại các nút, tuyến giao thông để thuận tiện cho xe lấy nước để chữa cháy.

d) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho khu đất quy hoạch lấy từ đường dây 35 Kva từ phía Tây của đường Nguyễn Đồng Chi.

Xây dựng 1 trạm biến áp có công suất: 4000kVA – 35/0,4Kv cấp cho khu sản xuất, khu điều hành, phụ trợ và chiếu sáng.

- Lưới điện sản xuất, chiếu sáng: Toàn bộ mạng lưới đường dây hạ thế bố trí ngầm dưới đất để đảm bảo mỹ quan khu vực.

e) Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Mạng lưới thoát nước thải: Nước thải tự chảy, tách biệt với hệ thống thoát nước mưa; nước thải của khu sản xuất và khu sinh hoạt (xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) thu gom bằng hệ thống đường ống D300 dẫn về Khu xử lý tập trung ở phía Đông Nam khu đất quy hoạch, tại đây nước thải được xử lý đạt cột A (QCVN 40 : 2011/BTNMT) rồi mới đổ ra nguồn tiếp nhận.

- Vệ sinh môi trường: Rác tại khu nhà máy, khu hành chính và khu phụ trợ được thu gom về khu vực tập kết của nhà máy, chuyển đến khu xử lý CTR tập trung của thị xã Hồng Lĩnh.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Tuyến cáp thông tin liên lạc được đấu nối từ hệ thống cáp khu vực, từ đây sẽ xây dựng tuyến cáp ngầm mới cấp đến cho khu vực dự án.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan

1. UBND thị xã Hồng Lĩnh chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND phường Nam Hồng, UBND phường Đậu Liên, Công ty cổ phần sợi Nghệ Tĩnh và các đơn vị liên quan, ban hành quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được duyệt.

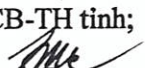
2. UBND thị xã Hồng Lĩnh, UBND phường Nam Hồng, UBND phường Đậu Liên theo chức năng nhiệm vụ thực hiện quản lý quy hoạch, quản lý đất đai theo đúng quy định hiện hành.

3. Công ty Cổ phần sợi Nghệ Tĩnh: Phối hợp với chính quyền địa phương liên quan tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại nơi công cộng. Triển khai cắm mốc giới xây dựng theo đồ án quy hoạch đã được duyệt, đồng thời triển khai xây dựng dự án Nhà máy Sợi Nghệ Tĩnh theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Hồng Lĩnh, Chủ tịch UBND phường Nam Hồng, Chủ tịch UBND phường Đậu Liên, Giám đốc Công ty Cổ phần sợi Nghệ Tĩnh và Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, KT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

Số: **45** /2022/HĐTĐ

HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số Điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất để sử dụng vào mục đích đất Cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh hình thức hình thức sử dụng đất tại Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh;

Hôm nay, ngày **29** tháng 11 năm 2022, tại Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh, chúng tôi gồm:

1- BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Tĩnh.

Ông: **Lê Ngọc Huấn**

Chức vụ: **Giám đốc**

Trụ sở: số 12A, đường Võ Liêm Sơn, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2- BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)

Đại diện: Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh.

Bà: **Phan Thị Thu**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 38 đường Nguyễn Xuân Linh, tổ dân phố 5, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

Số tài khoản: 113002872403 tại Ngân hàng Vietinbank PGD Hồng Lĩnh.

3- HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT VỚI CÁC ĐIỀU, KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1: Bên A cho Bên B thuê khu đất như sau:

1. Diện tích đất thuê là 55.096m² đất (*Năm mươi lăm nghìn không trăm chín mươi sáu mét vuông đất*) tại Cụm công nghiệp Nam Hồng thuộc phường Nam Hồng và phường Đậu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.



Handwritten signature

Handwritten signature

2. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích đo thửa đất phục vụ giao thuê đất và chỉnh lý hồ sơ địa chính hệ tọa độ VN-2000, phường Nam Hồng tờ số 17 (049521-4-b), phường Đậu Liêu tờ số 28 (049521-4-b), tờ số 29 (049521-5-a) do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh lập ngày 19/5/2021 và Bản đồ quy hoạch sử dụng đất (tỷ lệ 1/500) được phê duyệt kèm theo Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 của UBND tỉnh.

3. Thời hạn thuê đất: Kể từ ngày 13/7/2021 đến ngày 13/01/2071.

4. Mục đích sử dụng đất thuê: Đất Cùm công nghiệp (thực hiện đầu tư Dự án Nhà máy Sợi Nghệ Tĩnh).

Điều 2: Bên B có trách nhiệm trả tiền thuê đất theo quy định sau:

1. Đơn giá thuê đất (được xác định theo thông báo số 2601/TB-CTHTI ngày 24/11/2022 của Cục thuế tỉnh Hà Tĩnh) là 6.000 đồng/m²/năm (Sáu nghìn đồng trên một mét vuông đất trên một năm). Đơn giá tiền thuê đất được ổn định 5 (năm) năm kể từ ngày 01/07/2021 đến ngày 30/6/2026, hết thời hạn ổn định đơn giá tiền thuê đất nêu trên được xác định lại theo quy định hiện hành của Nhà nước tại thời điểm đó.

2. Tiền thuê đất tính từ ngày 01/7/2021 (Căn cứ ngày ban hành Quyết định cho thuê đất số 2564/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 của UBND tỉnh, được quy đổi ra thời gian phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3, Điều 7, Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính).

3. Phương thức nộp tiền thuê đất: Tiền thuê đất được nộp hàng năm, mỗi năm 02 kỳ (kỳ thứ nhất trước ngày 31/5, kỳ thứ hai trước ngày 31/10 hàng năm).

4. Nơi nộp tiền thuê đất: Kho bạc Nhà nước thị xã Hồng Lĩnh.

5. Việc cho thuê đất không làm mất quyền sở hữu của Nhà nước đối với khu đất và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất.

Điều 3: Việc sử dụng đất thuê phải phù hợp với mục đích sử dụng đất đã ghi tại Điều 1 của Hợp đồng này và phải tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường, không làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất có liên quan.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Bên A bảo đảm việc sử dụng đất của Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng, không được chuyển giao quyền sử dụng diện tích khu đất nêu trên cho bên thứ ba, chấp hành quyết định thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

2. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, Bên B có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai, Luật Môi trường và các Luật có liên quan; Trường hợp Bên B bị thay đổi do chia tách, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp, bán tài sản gắn liền với đất thuê thì tổ chức, cá nhân được hình thành hợp pháp sau khi Bên thuê đất bị thay đổi sẽ thực hiện tiếp quyền và nghĩa vụ của Bên B trong thời gian còn lại của Hợp đồng này.

3. Trong thời hạn Hợp đồng còn hiệu lực thi hành, nếu Bên B trả lại toàn bộ hoặc một phần diện tích khu đất thuê trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên A biết trước thời gian ít nhất là 06 tháng. Bên A trả lời cho Bên B trong thời

NGH
YÊN
ƯỜNG
TỈNH




gian 03 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị của Bên B. Thời điểm kết thúc hợp đồng tính đến ngày bàn giao mặt bằng.

Điều 5: Hợp đồng thuê đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Hết thời hạn thuê đất mà không được gia hạn thuê tiếp;
- Do đề nghị của một Bên hoặc các Bên tham gia Hợp đồng và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất chấp thuận;
- Bên B bị phá sản hoặc bị phát mại tài sản hoặc giải thể;
- Bên B bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 6: Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc Hợp đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Hai Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản, gửi Cục thuế Hà Tĩnh 01 bản, Kho bạc Nhà nước thị xã Hồng Lĩnh 01 bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. /.



BÊN THUÊ ĐẤT (BÊN B)

Phan Thị Thu



BÊN CHO THUÊ ĐẤT (BÊN A)

Lê Ngọc Huân

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 11 năm 2022

DẤU SÁO

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 42 /GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh

Địa chỉ: Số nhà 38 đường Nguyễn Xuân Linh, tổ dân phố 5, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc Dự án Nhà máy Sợi Nghệ Tĩnh theo bản vẽ thiết kế thi công do Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Toàn Anh lập; Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Ks. Ngô Phi Hùng. Đơn vị thẩm tra: Công ty cổ phần xây dựng và dịch vụ An Phúc. Gồm các nội dung sau:

2.1. Nhà để hệ thống cung bông: Theo quy hoạch có số ký hiệu 4; số lượng 01 nhà; diện tích xây dựng: 5.040 m²; số tầng: 01 tầng; chiều cao công trình: 9,08m; cốt nền xây dựng: +0,3m tính từ cốt sân hoàn thiện.

2.2. Nhà máy kéo sợi: Theo quy hoạch có số ký hiệu 3; số lượng nhà 03 nhà; tổng diện tích xây dựng: 3 x 4.407= 13.221 m²; số tầng: 01 tầng; chiều cao công trình: 9,95m; cốt nền xây dựng: +0,3m tính từ cốt sân hoàn thiện.

2.3. Nhà kho: Theo quy hoạch có số ký hiệu 5; số lượng nhà 02 nhà; tổng diện tích xây dựng: 2 x 5.047= 10.094 m²; số tầng: 01 tầng; chiều cao công trình: 9,985m; cốt nền xây dựng: +0,3m tính từ cốt sân hoàn thiện.

2.4. Nhà văn phòng và nghỉ ca văn phòng: Theo quy hoạch có số ký hiệu 2; số lượng nhà 01 nhà; diện tích xây dựng: 375 m²; số tầng: 02 tầng; tổng diện tích sàn 707m²; chiều cao công trình: 12,19m (tầng 1 cao 4,2m; tầng 2 cao 3,9m; mái cao 4,09m); cốt nền xây dựng: +0,5m tính từ cốt sân hoàn thiện.

2.5. Nhà ăn, nghỉ ca công nhân: Theo quy hoạch có số ký hiệu 6; số lượng nhà 01 nhà; diện tích xây dựng: 485 m²; Số tầng: 02 tầng; tổng diện tích sàn 685,2m²; chiều cao công trình: 9,5m (tầng 1 cao 3,9m; tầng 2 cao 3,6m; mái cao 2m); cốt nền xây dựng: +0,45m tính từ cốt sân hoàn thiện.

2.6. Kho vật tư và chất thải rắn: Theo quy hoạch có số ký hiệu 14; số lượng nhà 01 nhà; diện tích xây dựng: 529,0 m²; Số tầng: 01 tầng; chiều cao công trình: 9,085 m; cốt nền xây dựng: +0,3m tính từ cốt sân hoàn thiện.

2.7. Các hạng mục phụ trợ: Hàng rào; Nhà để xe máy; Nhà để ô tô; Nhà vệ sinh; Phòng chờ lái xe; Nhà bảo vệ; Trạm biến áp; Trạm cân; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật; Hệ thống xử lý chất thải.

3. Chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất: Thực hiện theo Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỷ lệ 1/500 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 16/4/2021.

4. Vị trí xây dựng: Cụm Công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

5. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Quyết định số 2564/QĐ-UBND ngày 13/7/2021 về việc cho thuê đất để sử dụng vào mục đích đất sản xuất công nghiệp.

6. Ghi nhận các công trình đã xây dựng: Chưa có công trình khởi công xây dựng.

7. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng. Quá thời hạn trên thì Chủ đầu tư phải xin gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thị xã Hồng Lĩnh;
- Lưu: VT, TT, QL.

Số: 42/2022/GPXD-UBND. Quyền số: 5. SCT/BS

[Handwritten signature]

**VĂN PHÒNG
CÔNG CHỨNG
ĐẶNG NGỌC TẤN**

**GIÁM ĐỐC
SỞ XÂY DỰNG
CÔNG CHỨNG MIỀN BẮC**

[Handwritten signature]
Trần Thị Quốc Hà

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Thực hiện thông báo khởi công xây dựng công trình theo quy định.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:

(Trường hợp trang 2 không đủ để ghi nội dung điều chỉnh/ gia hạn thì nội dung này được ghi vào các trang tiếp theo đính kèm và là một phần không tách rời của giấy phép xây dựng)

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 20.....

GIÁM ĐỐC

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

Số: 2528/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và quy định hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh” họp chính thức ngày 14/5/2021, Thông báo kết quả thẩm định số 1830/STNMT-MT ngày 21/5/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 35/CV-CT ngày 15/6/2021 của Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2401/TTr-STNMT ngày 29/6/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường (sau đây gọi là Báo cáo ĐTM) của Dự án “Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công



nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các pháp luật có liên quan.


Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Hồng Lĩnh, các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, các yêu cầu nêu tại Quyết định này và các trách nhiệm bảo vệ môi trường khác trong quá trình thực hiện của Chủ dự án. Trường hợp Chủ dự án vi phạm một trong các yêu cầu nêu trên thì kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND thị xã Hồng Lĩnh; Chủ tịch UBND các phường: Đâu Liêu, Nam Hồng; Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh (Chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP/UB phụ trách;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, NL₂; 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Lĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng,
thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh”
(Kèm theo Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 08/1/2021 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Tên dự án: “Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh”

1.2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh.

- Địa chỉ: số nhà 38, đường Nguyễn Xuân Linh, tổ dân phố 5, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh;

- Điện thoại: 0984280866.

1.3. Phạm vi, quy mô, địa điểm thực hiện dự án:

Dự án Nhà máy sợi Nghệ Tĩnh xây dựng tại cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh do Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh đầu tư. Dự án đã được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 và phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 với diện tích 55.096m².

Quy mô dự án: sản xuất sợi OE với công suất 18.720 tấn/năm.

1.4. Các hạng mục, công trình chính của dự án:

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

- | | |
|---------------------------------------|------------------------|
| - Nhà để hệ thống cung bông: | 4.950m ² |
| - Nhà máy kéo sợi: | 13.158,6m ² |
| - Nhà kho: | 10.010m ² |
| - Nhà văn phòng và nghỉ ca văn phòng: | 375m ² |
| - Nhà ăn ở, nghỉ ca công nhân: | 375m ² |

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- | | |
|--------------------------------|---------------------|
| - Cổng, tường rào: | |
| - Nhà xe để xe máy: | 392m ² |
| - Nhà bảo vệ: | 24m ² |
| - Nhà để xe ô tô + xe 02 bánh: | 148,8m ² |

- Nhà WC:	43,2m ²
- Phòng chờ lái xe:	54,0m ²
- Trạm BT 4000 kVA:	30,0m ²
- Trạm cân:	90,0m ²
- Khu cầu container:	324,0m ²
- Đất cây xanh:	11.076,8m ²
- Sân đường nội bộ:	12.538,4m ²

1.4.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Trạm xử lý nước thải tập trung:	90m ²
- Kho vật tư + kho chất thải rắn:	519,7m ²

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Giai đoạn giải phóng mặt bằng, thi công xây dựng dự án

2.1.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Bụi, khí thải do hoạt động thi công xây dựng, nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn thông thường và nguy hại,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải thi công xây dựng: chứa hàm lượng cặn lắng cao và một số chất độc hại trong xi măng, phụ gia bê tông, lượng phát sinh khoảng 01 m³/ngày đêm

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, chất dinh dưỡng và các vi sinh vật, lượng phát sinh khoảng 2,5 m³/ngày đêm

- Nước mưa chảy tràn qua cuốn theo các loại đất, cát, dầu mỡ rơi vãi, vật liệu xây dựng như xi măng, vôi vữa..., lưu lượng ngày mưa lớn nhất 307 (m³/h).

2.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, mùi hôi, khí thải:

- Bụi do hoạt động thi công xây dựng.

- Khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Đất phong hóa từ quá trình đào bới: tổng khối lượng phát sinh 6.098,4m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: 25 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: bao bì xi măng phát sinh khoảng 17kg/ngày; ván cốp pha hỏng, sắt thép vụn, bê tông hư hỏng... khối lượng ước tính khoảng 32 kg/ngày.

2.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Giẻ lau có dính dầu mỡ, hộp đựng xăng dầu nhớt: ước tính khoảng 05 kg/tháng.

2.2. Giai đoạn dự án đi vào vận hành:

2.2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển và từ hoạt động sản xuất, nước thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại, nguy cơ cháy nổ....

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: lưu lượng phát sinh 35,81m³/ngày đêm.

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh với lưu lượng ngày mưa lớn nhất là 614 m³/ngày.

2.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, mùi hôi, khí thải:

- Bụi từ các dây chuyền sản xuất, từ các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào tại nhà máy.

- Khí thải, mùi hôi từ khu vực tập kết chất thải, trạm xử lý nước thải trong nhà máy.

2.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt: 275,5 kg/ngày;

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm các loại như sau:

+ Lượng xơ dài: 2,85 tấn/ngày.

+ Lượng xơ ngắn: 2,27 tấn/ ngày

+ Lượng cặn bông: 0,57 tấn/ngày.

+ Vỏ bao PP, dây buộc phát sinh từ máy xé kiện bông trong kho bông: 0,11 tấn/ngày;

+ Các chất thải khác trong quá trình đóng gói sản phẩm: túi nilon (31,2 kg/năm), ống giấy hư hỏng (312 kg/năm).

2.2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh khi lau chùi, sửa chữa máy móc, dụng cụ thiết bị có dính dầu mỡ, dầu mỡ dư thừa, bóng đèn hỏng, pin hỏng, ắc quy thải. Khối lượng ước tính là 10kg/tháng.

2.2.6. Quy mô, tính chất của chất thải khác:

- Bùn bể tự hoại phát sinh 42,23m³ (tính định kỳ 1 năm hút một lần), tương đương 0,055m³/ngày;

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải 2,58m³ (tính định kỳ 01 năm hút 01 lần, tương đương 7,09 kg/ngày).

- Bùn cặn từ quá trình nạo vét mương thoát nước: khoảng 0,62 tấn/năm.

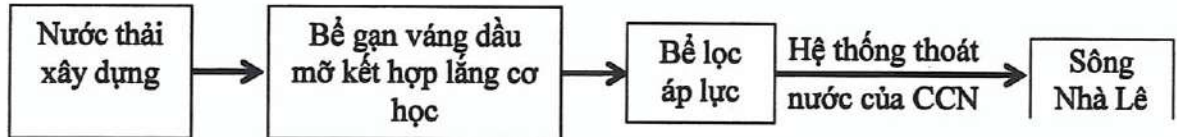
3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

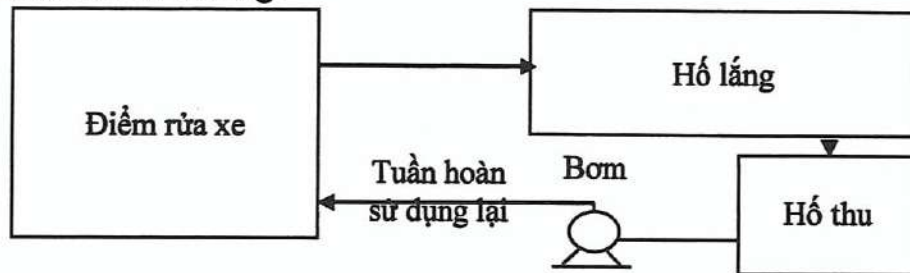
- Nguồn tiếp nhận nước thải là Sông Nhà Lê.

- Nước thải xây dựng: Thu gom, xử lý đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT đối với các loại nước thải công nghiệp ($K_q=0,6$; $K_f=1,2$) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

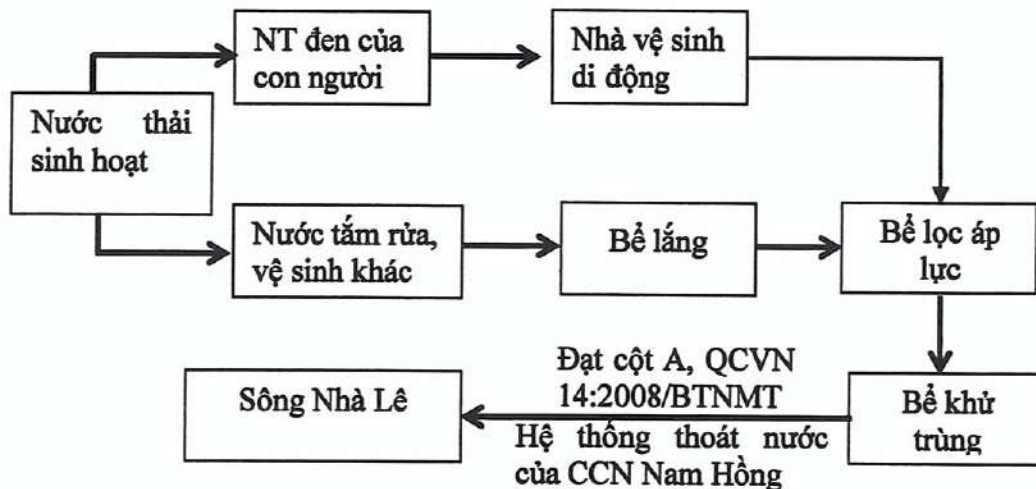


- Nước thải xịt rửa xe:

Được xử lý bằng phương pháp lắng cơ học, sau đó tuần hoàn sử dụng lại, không thải ra môi trường.



- Nước thải sinh hoạt: Thu gom, xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT với hệ số $k = 1,2$ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.



- Nước mưa chảy tràn: xây dựng hệ thống mương thoát nước xung quanh khu vực thi công. Trên hệ thống thoát nước bố trí các hố ga thu nước kết hợp lắng nước mưa chảy tràn trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

3.1.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Thi công trong những ngày nắng, nóng tiên hành phun nước tưới ẩm tối thiểu 02 lần/ngày; xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Các phương tiện thi công, vận chuyển phải kiểm tra bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm, đăng ký tình trạng máy móc đầy đủ, phủ bạt để tránh rơi vãi dọc đường.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: thu gom vào các thùng chứa, hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Hồng Lĩnh vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đất bóc phong hóa trong quá trình đào bóc, san gạt: tận dụng để trồng cây xanh trong khu vực dự án.

+ Bao xi măng, sắt thép vụn: thu gom và định kỳ bán phế liệu.

+ Bê tông, vôi vữa hỏng: tận dụng san nền trong khu vực dự án.

+ Ván cốt pha, cọc chống hỏng: Cho người dân hoặc công nhân đưa về sử dụng.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí các thùng composite có nắp đậy, dán nhãn chất thải nguy hại; hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định.

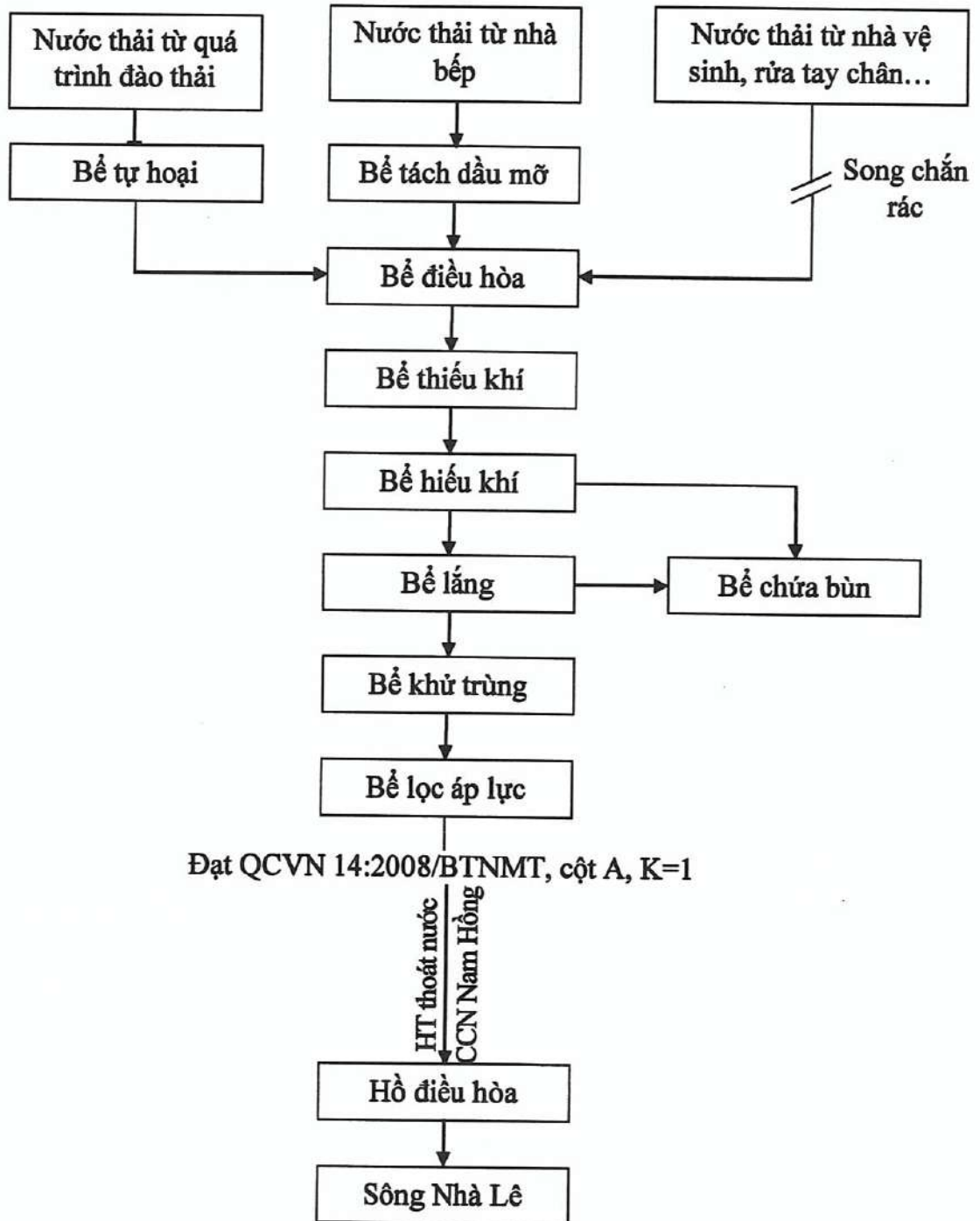
3.2. Trong quá trình dự án đi vào vận hành:

3.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý nước thải.

- Nguồn tiếp nhận là Sông Nhà Lê.

- Nước thải sinh hoạt: thu gom, xử lý đạt Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT đối với nước thải sinh hoạt (K=1) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

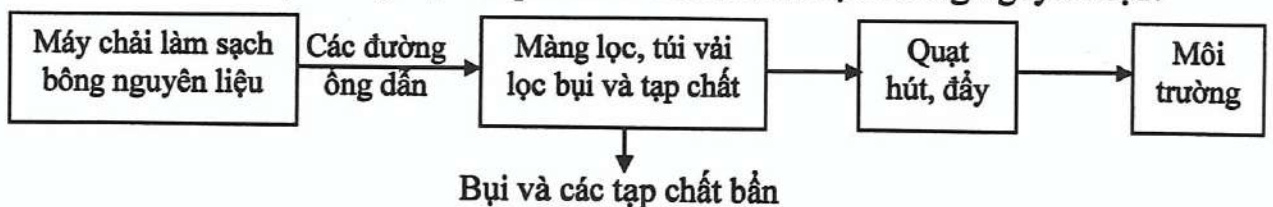
- Nước mưa chảy tràn: xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa theo quy hoạch được phê duyệt.



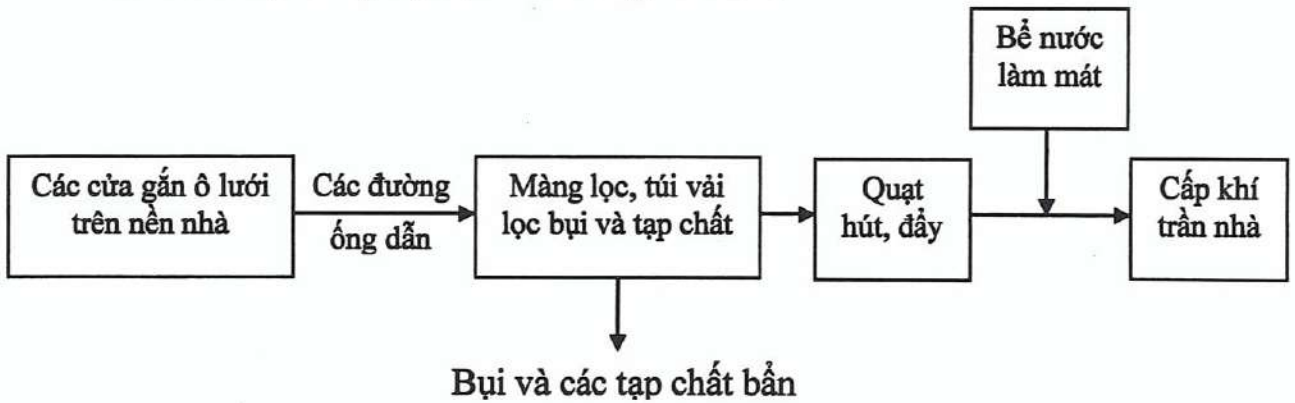
3.2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Xây dựng nhà xưởng cao, thoáng, lắp đặt hệ thống quạt hút gió, thông gió cưỡng bức nhằm làm giảm lượng bụi bông, bụi sợi.

- Đối với việc xử lý bụi từ quá trình chải là làm sạch bông nguyên liệu:



- Đối với việc xử lý bụi tại các xưởng sản xuất:



- Trồng cây xanh, hoa, thảm cỏ nhằm cải thiện chất lượng môi trường tại nhà máy.

3.2.3. Về xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt không có khả năng tái chế hợp đồng với Công ty CP Môi trường Đô thị Hồng Lĩnh hàng ngày vận chuyển đưa đi xử lý.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng được thu gom, lưu giữ, định kỳ bán cho các cơ sở thu mua, tái chế.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đối với chất thải rắn là các loại dây buộc, búi nilon đựng bông nguyên liệu, được thu gom và phân loại, các loại dây và túi nilon còn sử dụng được thì tận dụng để đóng các kiện là chất thải từ quá trình kéo sợi và xe sợi.

+ Chất thải phát sinh từ quá trình chải và làm sạch bông bao gồm: sợi xơ dài, xơ ngắn phát sinh từ máy chải và làm sạch bông tiếp tục được thu gom và đưa vào máy sản xuất sợi kích thước ngắn hơn hoặc bán cho các đơn vị sản xuất sợi chất lượng thấp hơn;

+ Các tạp chất chứa trong bông tự nhiên, bụi bông bụi đất cát phát sinh từ hệ thống hút và làm sạch không khí tại các xưởng sản xuất. Các tạp chất bản này được giữ lại ở túi vải lọc, sau đó đóng kiện, tập trung về kho chứa chất thải của Nhà máy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

Thu gom phân loại theo hướng dẫn tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và môi trường về Quản lý chất thải nguy hại; hợp đồng với Công ty TNHH Một thành viên chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

3.2.5. Công trình, biện pháp lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải khác

- Bùn bể tự hoại, bùn hệ thống xử lý nước thải: thu gom, hợp đồng với Công ty TNHH MTV Chế biến chất thải công nghiệp Hà Tĩnh hoặc đơn vị có chức năng định kỳ vận chuyển đưa đi xử lý theo quy định.

- Bùn nạo vét từ hệ thống thoát nước trong khu vực nhà máy sẽ được thu gom, tập trung về khu vực trồng cây xanh trong Nhà máy.

3.2.6. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác: thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

3.2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường: thực hiện đầy đủ theo nội dung Báo cáo ĐTM.

3.2.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Trong quá trình thực hiện Dự án phải tuân thủ đúng các phương án thiết kế và quy hoạch đã được phê duyệt; tổ chức thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường và xây lắp đầy đủ các công trình bảo vệ môi trường; áp dụng các giải pháp kỹ thuật và biện pháp hành chính đã nêu trong Báo cáo ĐTM để giảm xuống mức thấp nhất ô nhiễm môi trường khu vực thực hiện dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về quản lý an toàn lao động, lập phương án cụ thể, chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố môi trường trong suốt quá trình thực hiện Dự án.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

- Hệ thống thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn: cống thoát Bê tông cốt thép (BTCT) D600 dài 1.323; hố ga thu nước: 42 cái.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt: Chiều dài hệ thống thu gom và thoát nước thải: 767m; bể tự hoại có thể tích 95m^3 ; trạm xử lý nước thải tập trung: diện tích 90m^2 , công suất xử lý $40\text{m}^3/\text{ngày đêm}$, bao gồm bể điều hòa 55m^3 , bể thiếu khí 17m^3 , bể hiếu khí 22m^3 , bể lắng sinh học 07m^3 , bể khử trùng 01m^3 , bồn lọc áp lực $05\text{m}^3/\text{h}$, bể chứa bùn 06m^3 .

- Hệ thống xử lý bụi: bao gồm 06 máy lọc bụi trung tâm.

- Hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải rắn: 06 máy ép kiện chất thải rắn sản xuất, hệ thống thùng đựng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Công trình lưu trữ chất thải rắn và chất thải nguy hại: diện tích $519,7\text{m}^2$.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng các hạng mục công trình

a) Giám sát chất lượng nước thải:

* *Giám sát nước thải sinh hoạt:*

- Vị trí giám sát: 01 điểm trước và 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

- Các thông số giám sát (11 thông số): pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻), Dầu mỡ động thực vật, Tổng chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms;

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, trong thời gian thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, K = 1;

* *Giám sát nước thải xây dựng:*

- Vị trí giám sát: 01 điểm trước và 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải xây dựng trên công trường.

- Các thông số giám sát (12 thông số): pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Amoni (tính theo N), Sắt, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform, Sunfua, Clorua.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, trong thời gian thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q = 0,6; K_f = 1,2.

b) Giám sát chất lượng không khí xung quanh:

- Vị trí giám sát:

+ 01 điểm tại vị trí cổng ra vào công trường thi công phía Tây Nam dự án (trên tuyến đường quy hoạch của CCN)

+ 01 điểm tại khu vực đang thi công của dự án;

- Các thông số giám sát (5 thông số): Độ ồn, SO₂; NO₂; CO; Bụi lơ lửng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần, trong thời gian thi công xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường không khí xung quanh); QCVN 26:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn).

c) Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: 01 điểm tại khu vực tập kết chất thải rắn.

- Các chỉ tiêu giám sát: khối lượng chất thải rắn phát sinh; phân định, phân loại và quá trình thu gom, tập kết, chuyên giao các loại chất thải rắn phát sinh.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

a, Giám sát nước thải:

- Vị trí lấy mẫu:

+ 01 điểm tại hồ thu gom trước khi vào bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung;

+ 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (sau bồn lọc áp lực).

- Các thông số giám sát (12 thông số): Lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$), pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-}), Nitrat (NO_3^-), tổng Nitơ, tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A; K=1).

- Tần suất giám sát:

+ Đối với thông số lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$) trước và sau hệ thống xử lý: 01 lần/ngày, bằng phương pháp lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, ghi chép vào sổ theo dõi hằng ngày;

+ Đối với các thông số còn lại:

Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất: 15 ngày/01 lần trong vòng 75 ngày đầu;

Giai đoạn đánh giá hiệu quả: 01 ngày/01 lần trong 07 ngày tiếp theo.

b) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 04 vị trí, tại các ống thải của hệ thống lọc bụi trong các nhà xưởng sản xuất của Nhà máy:

+ 01 vị trí tại nhà cung bông;

+ 03 vị trí tại các nhà kéo sợi.

- Thông số giám sát (01 thông số): Bụi.

- Quy chuẩn so sánh: 19:2009/BTNMT (Cột B; K_p=1).

- Tần suất giám sát:

+ Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất: 15 ngày/01 lần, trong vòng 75 ngày đầu.

+ Giai đoạn đánh giá hiệu quả: 01 ngày/01 lần, trong 07 ngày tiếp theo.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại

a) Giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí giám sát: 02 vị trí, gồm:

+ 01 điểm tại hố thu gom trước khi vào bể điều hòa của HTXLNT tập trung;

+ 01 điểm sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (sau bồn lọc áp lực)

- Các thông số giám sát (12 thông số): Lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$), pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng (SS), Amoni (tính theo N), Phosphat (PO_4^{3-}), Nitrat (NO_3^-), tổng Nitơ, tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform.

- Tần suất lấy mẫu và quy chuẩn so sánh:

+ Đối với thông số lưu lượng Q ($m^3/ngày.đêm$) trước và sau hệ thống xử lý: 01 lần/ngày, bằng phương pháp lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra, ghi chép vào sổ theo dõi hàng ngày.

+ Đối với các thông số còn lại: 03 tháng/lần; Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A; K=1).

b) Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: 04 vị trí, tại các ống thải của hệ thống lọc bụi trong các nhà xưởng sản xuất của Nhà máy:

+ 01 vị trí tại nhà cung bông;

+ 03 vị trí tại các nhà kéo sợi.

- Thông số giám sát (01 thông số): Bụi.

- Quy chuẩn so sánh: 19:2009/BTNMT (Cột B; $K_p=1$).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

c) Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: tại khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn của Nhà máy.

- Nội dung giám sát: giám sát khối lượng chất thải phát sinh theo từng chủng loại, bao gồm chất thải thông thường và chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: hàng ngày, mỗi khi chất thải phát sinh được đưa về khu lưu giữ tạm thời và chuyển giao xử lý.

d) Giám sát khác:

Thực hiện giám sát môi trường lao động theo quy định tại Điều 18 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

6.1. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

6.2. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

6.3. Thực hiện nghiêm túc các nội dung đã cam kết với địa phương; hằng năm phối hợp với địa phương thực hiện nạo vét các mương dẫn nước thải để lưu thông dòng chảy khu vực dự án, đảm bảo không gây ngập úng cục bộ.

6.4. Đầu tư xây dựng, lắp đặt các công trình xử lý chất thải theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt; lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án (nước thải, bụi, khí thải, chất thải rắn ...) về Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm (theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP) để kiểm tra vận hành thử nghiệm và thực hiện các bước tiếp theo quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 16b thuộc Khoản 9 và Điều 17 thuộc Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP trước khi đi vào vận hành chính thức.

6.5. Hàng năm phải xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31/12 của năm trước để theo dõi, giám sát. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản được chấp thuận của UBND tỉnh./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM

VPGD : SỐ 41-BT02, KHU ĐÔ THỊ PHÁP VÂN TỨ HIỆP, QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI

TEL : 0243.3776.888 - 0989.376.123 WEBSITE : AQUANANO.VN

GMAIL : AQUANANOJSC@GMAIL.COM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN : NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT : 40M³/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM : CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH

CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM

VPGD : SỐ 41-BT02, KHU ĐÔ THỊ PHÁP VÂN TƯ HIỆP, QUẬN HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI

TEL : 0243.3776.888 - 0989.376.123 WEBSITE : AQUANANO.VN

GMAIL : AQUANANOJSC@GMAIL.COM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DỰ ÁN : NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH

HẠNG MỤC : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT

CÔNG SUẤT : 40M3/NGÀY ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM : CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH

CHỦ ĐẦU TƯ



GIÁM ĐỐC
Phan Chí Chu

NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
Phan Văn Hùng

DANH MỤC BẢN VẼ TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

	SỐ T.T	BẢN VẼ SỐ	NỘI DUNG BẢN VẼ
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	1	CN: 01	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
	2	CN: 02	MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG NGHỆ
	3	CN: 03	MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
	4	CN: 04	MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG KHÍ THẢI
	5	CN: 05	MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG BÙN
	6	CN: 06	MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG HÓA CHẤT
	7	CN: 07	MẶT CẮT CÔNG NGHỆ
	8	KC: 01	KẾT CẤU THÉP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (1/3)
	9	KC: 02	KẾT CẤU THÉP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (2/3)
	10	KC: 03	KẾT CẤU THÉP BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (3/3)
	11	KC: 04	NHÀ ĐIỀU HÀNH
	12	KC: 05	BỂ TÁCH DẦU MỠ NHÀ ĂN
	13	Đ: 01	MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐIỆN ĐỘNG LỰC
	14	Đ: 02	SƠ ĐỒ 1 SỢI CẤP NGUỒN ĐIỆN TRẠM XỬ LÝ
	15	Đ: 03	TỦ ĐIỆN TRUNG TÂM - TÍN HIỆU ĐẦU VÀO PLC
	16	Đ: 04	TÍN HIỆU ĐẦU RA PLC
	17	Đ: 05	MẠCH ĐIỀU KHIỂN 1

CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....


NGƯỜI LẬP: *Nguyễn Thế Cường*
 CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *Nguyễn Thế Cường*

CHỦ ĐẦU TƯ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH

CÔNG TRÌNH:
 CÔNG TY NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH
 SỢI NGHỆ TĨNH

ĐỊA ĐIỂM: LÍNH THÁI
 CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG
 - TX. LÍNH THÁI - TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
 CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH



ĐỊA CHỈ: SN 5 - NGÕ 1 - Đ. PHAN CẢNH QUANG
 THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN
 EMAIL: TOANANHCOMPANY262@GMAIL.COM
 ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588

GIÁM ĐỐC:
Nguyễn Tất Toàn
 NGUYỄN TẤT TOÀN

CHỦ TRÌ:
 KS. NGÔ PHI HÙNG *Ngô Phi Hùng*

THIẾT KẾ:
 KS. NGUYỄN VIỆT SƠN *Nguyễn Việt Sơn*

THỂ HIỆN:
 KS. NGUYỄN VIỆT SƠN

QLKT:
 KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC *Đào Quốc Ước*

HANG MỤC:
 TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
 DANH MỤC BẢN VẼ

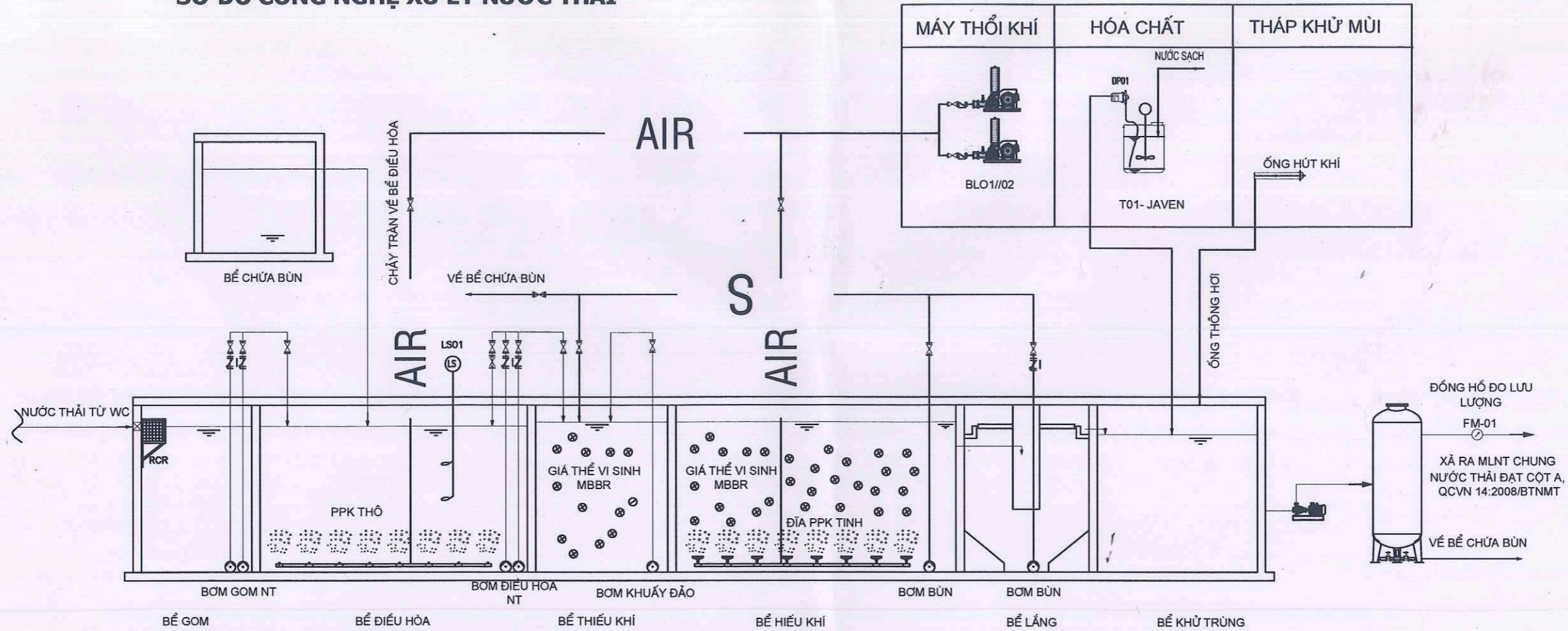
TỶ LỆ BẢN VẼ:

KÝ HIỆU BẢN VẼ: **DM:00**

HIỆU CHỈNH

LẦN 1
 LẦN 2
 LẦN 3

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CHÚ THÍCH:

- ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
- ĐƯỜNG DẪN KHÍ
- ĐƯỜNG DẪN BÙN
- ĐƯỜNG HÓA CHẤT

KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH THIẾT BỊ
	VAN 2 CHIỀU
	VAN 1 CHIỀU
	KHỚP NỐI MỀM
	ĐỒNG HỒ ĐO LƯU LƯỢNG
	THIẾT BỊ ĐO MỨC

CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

<p>NGƯỜI LẬP</p> <p></p> <p>Nguyễn Thế Cường</p>	<p>CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH</p> <p></p> <p>Nguyễn Thế Cường</p>
--	--

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TĨNH

CÔNG TRÌNH:

ĐỊA ĐIỂM:
CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG,
THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CP TƯ VẤN
ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH

ĐỊA CHỈ: SN 5 - NGÕ 1 - Đ. PHAN CẢNH QUANG
THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN
EMAIL: TOANANHCOMPANY263@GMAIL.COM
ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN TẤT TOÀN

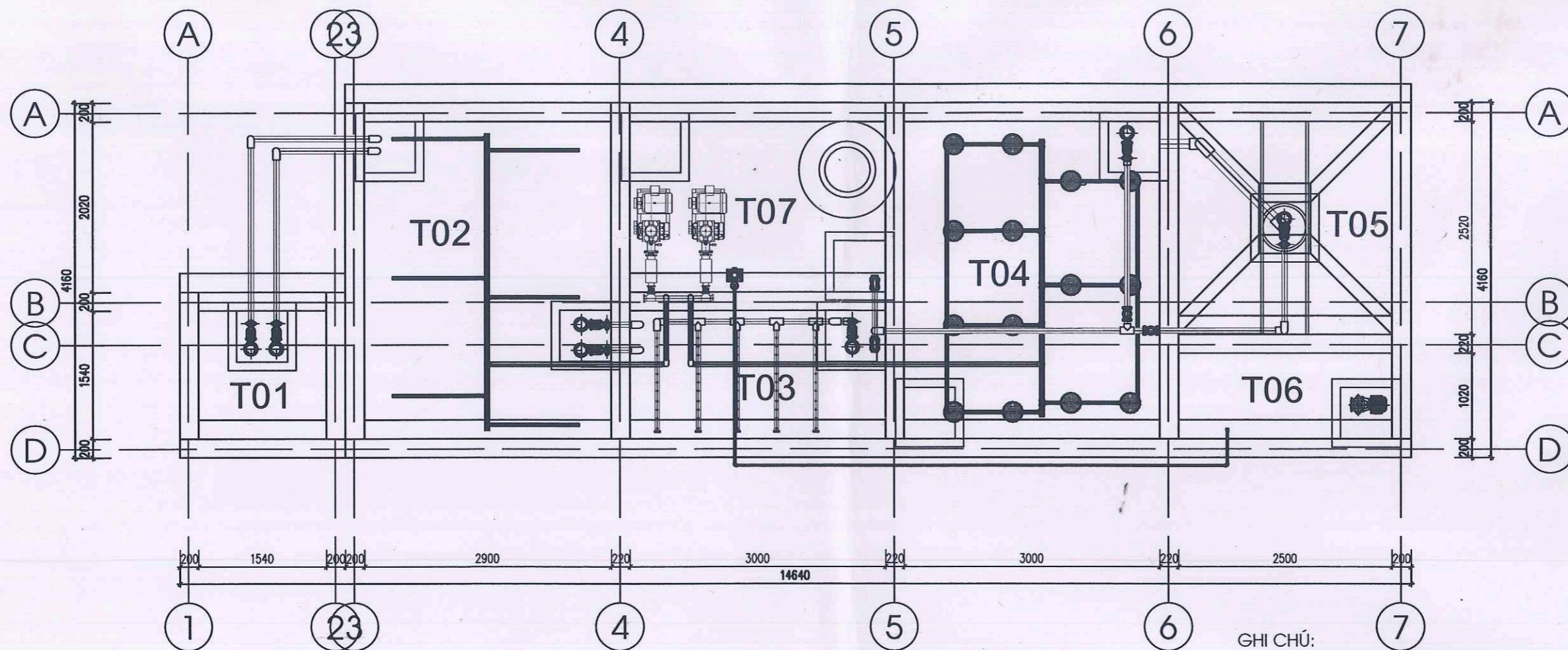
CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THỂ HIỆN: KS. NGUYỄN THỊ SEN	
QLKT: KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC	

HẠNG MỤC:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ BẢN VẼ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CN:01
HIỆU CHÍNH	
LẦN 1	
LẦN 2	
LẦN 3	



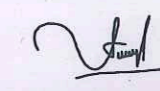
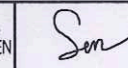
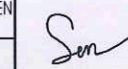
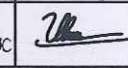
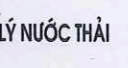
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG NGHỆ



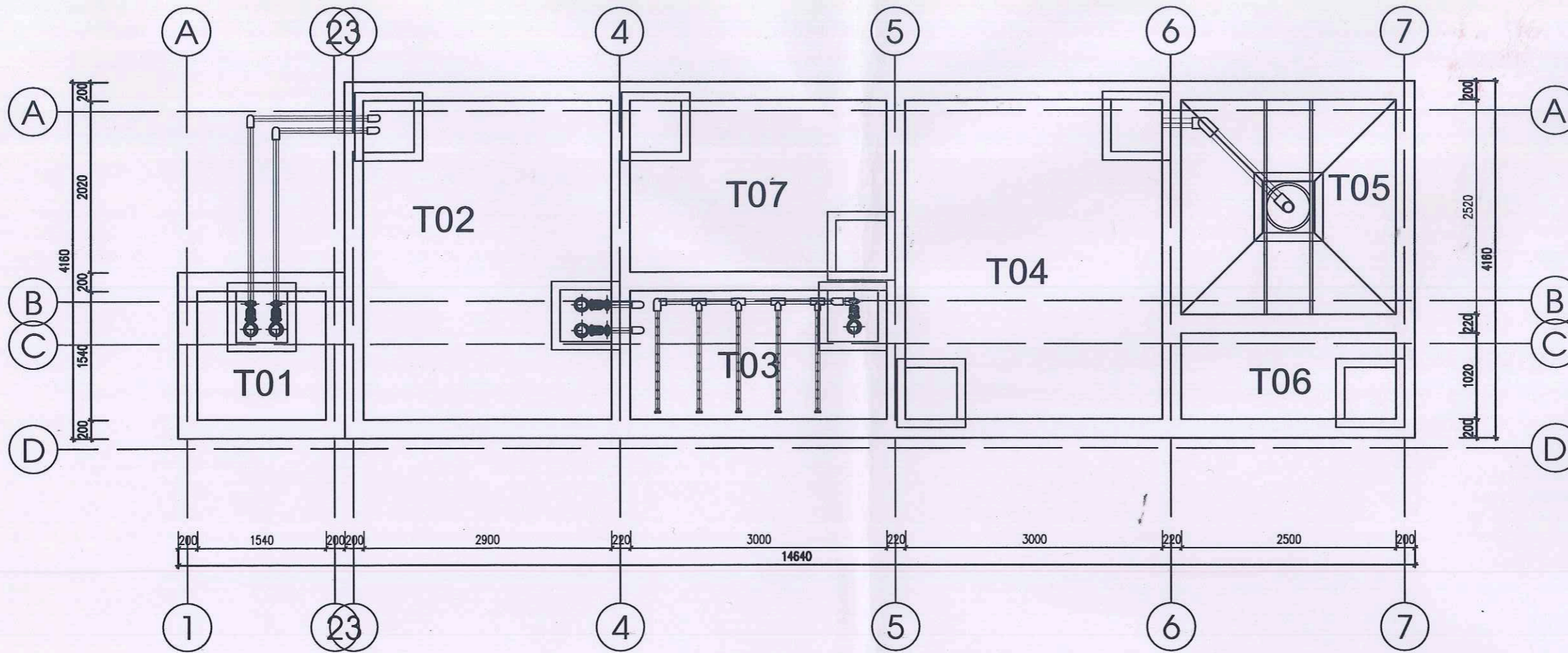
GHI CHÚ:

- T01: HỒ BƠM NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
- T02: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC THẢI
- T03: BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ
- T04: BỂ XỬ LÝ HIẾU KHÍ
- T05: BỂ LẮNG
- T06: BỂ KHỬ TRÙNG
- T07: BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20.....	
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH
	
Nguyễn Thế Cường	Nguyễn Thế Cường

CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TĨNH	
	
CÔNG TRÌNH:	
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH	
ĐỊA ĐIỂM:	
LĨNH T. H. A.	
CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH	
	
ĐỊA CHỈ: SN 5 - NGÕ 1 - D, PHAN CẢNH QUANG THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN	
EMAIL: TOANANHCOMPANY2020@GMAIL.COM	
ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588	
GIÁM ĐỐC:	
	
NGUYỄN TẤT TOÀN	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THIẾT KẾ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THỂ HIỆN:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
QLKT:	
KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC	
HẠNG MỤC:	
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CÔNG NGHỆ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CN:02
HIỆU CHÍNH	
LẦN 1	
LẦN 2	
LẦN 3	

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG NƯỚC THẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP Nguyễn Thế Cường	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH Nguyễn Thế Cường
-----------------------------------	---

- GHI CHÚ:
- T01: HỒ BƠM NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
 - T02: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC THẢI
 - T03: BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ
 - T04: BỂ XỬ LÝ HIẾU KHÍ
 - T05: BỂ LẮNG
 - T06: BỂ KHỬ TRÙNG

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TỈNH

CÔNG TRÌNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TỈNH NGHỆ TỈNH

ĐỊA ĐIỂM: LUISINH TH. NGHỆ TỈNH

CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH

ĐỊA CHỈ: SN 5 - NGÕ 1 - D, PHAN CẢNH QUANG THÁNH PHỐ VINH - NGHỆ AN
 EMAIL: TOANANHCOMPANY242@GMAIL.COM
 ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588

GIÁM ĐỐC:

 NGUYỄN TẤT TOÀN

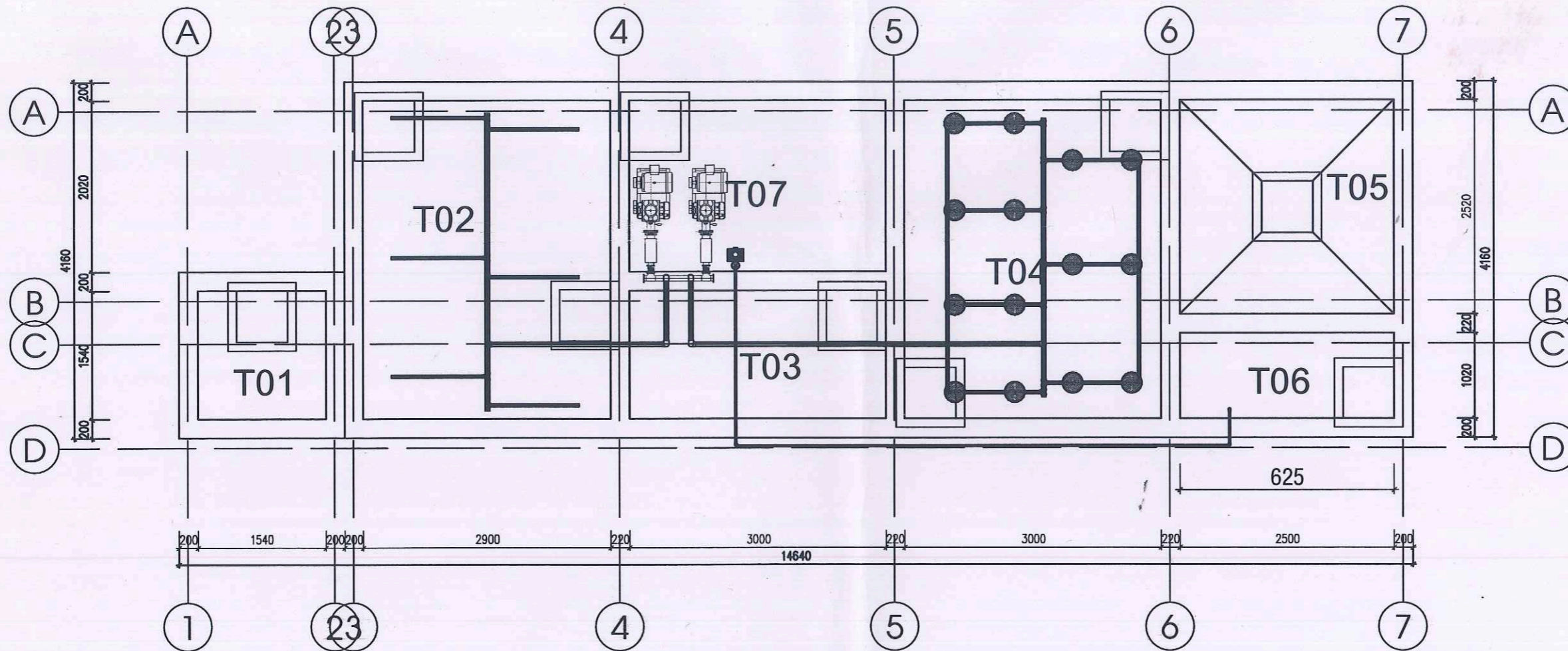
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THIẾT KẾ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THỂ HIỆN:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
QLKT:	
KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC	

HẠNG MỤC:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG NƯỚC THẢI

TỶ LỆ BẢN VẼ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CN:03
HIỆU CHÍNH	
LẦN 1	
LẦN 2	
LẦN 3	





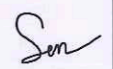


MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG KHÍ



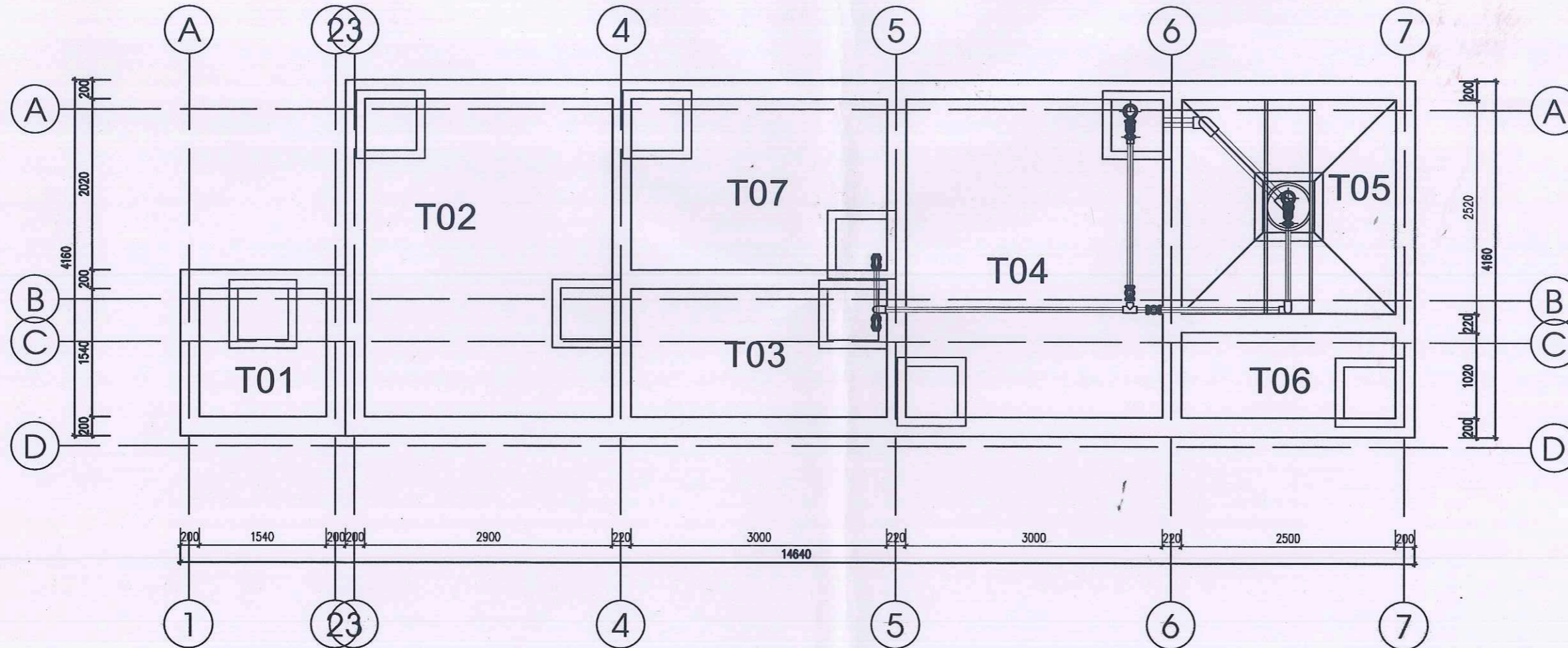
CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP  Nguyễn Thế Cường	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH  Nguyễn Thế Cường
--	--

- GHI CHÚ:
- T01: HỒ BƠM NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
 - T02: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC THẢI
 - T03: BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ
 - T04: BỂ XỬ LÝ HIẾU KHÍ
 - T05: BỂ LẮNG
 - T06: BỂ KHỬ TRÙNG
 - T07: BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TĨNH	
	
CƠNG TRÌNH:	
CÔNG TY NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH SỢI NGHỆ TĨNH	
ĐỊA ĐIỂM:	
CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH	
	
ĐỊA CHỈ: S/N 5 - NGÕ 1 - D, PHẠM CẢNH QUANG THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN EMAIL: TOANANHCOMPANY262@GMAIL.COM ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588	
GIÁM ĐỐC:	
 NGUYỄN TẤT TOÀN	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THIẾT KẾ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THỂ HIỆN:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
QLKT:	
KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC	
HẠNG MỤC:	
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG KHÍ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CN:04
HIỆU CHỈNH	
LẦN 1	
LẦN 2	
LẦN 3	

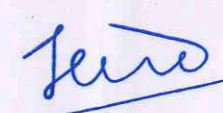
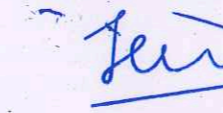
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG Bùn



CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP  Nguyễn Thế Cường	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH  Nguyễn Thế Cường
--	--

GHI CHÚ:

- T01: HỒ BƠM NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
- T02: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC THẢI
- T03: BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ
- T04: BỂ XỬ LÝ HIẾU KHÍ
- T05: BỂ LẮNG
- T06: BỂ KHỬ TRÙNG
- T07: BỂ CHỨA Bùn


CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TĨNH

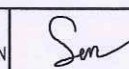



CÔNG TRÌNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN
NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH
NGHỆ TĨNH

ĐỊA ĐIỂM:
CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG,
THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CP TƯ VẤN
ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH

ĐỊA CHỈ: SN 5 - NGÕ 1 - D, PHAN CẢNH QUANG
THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN
EMAIL: TOANANHCOMPANY202@gmail.com
ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN TẤT TOÀN

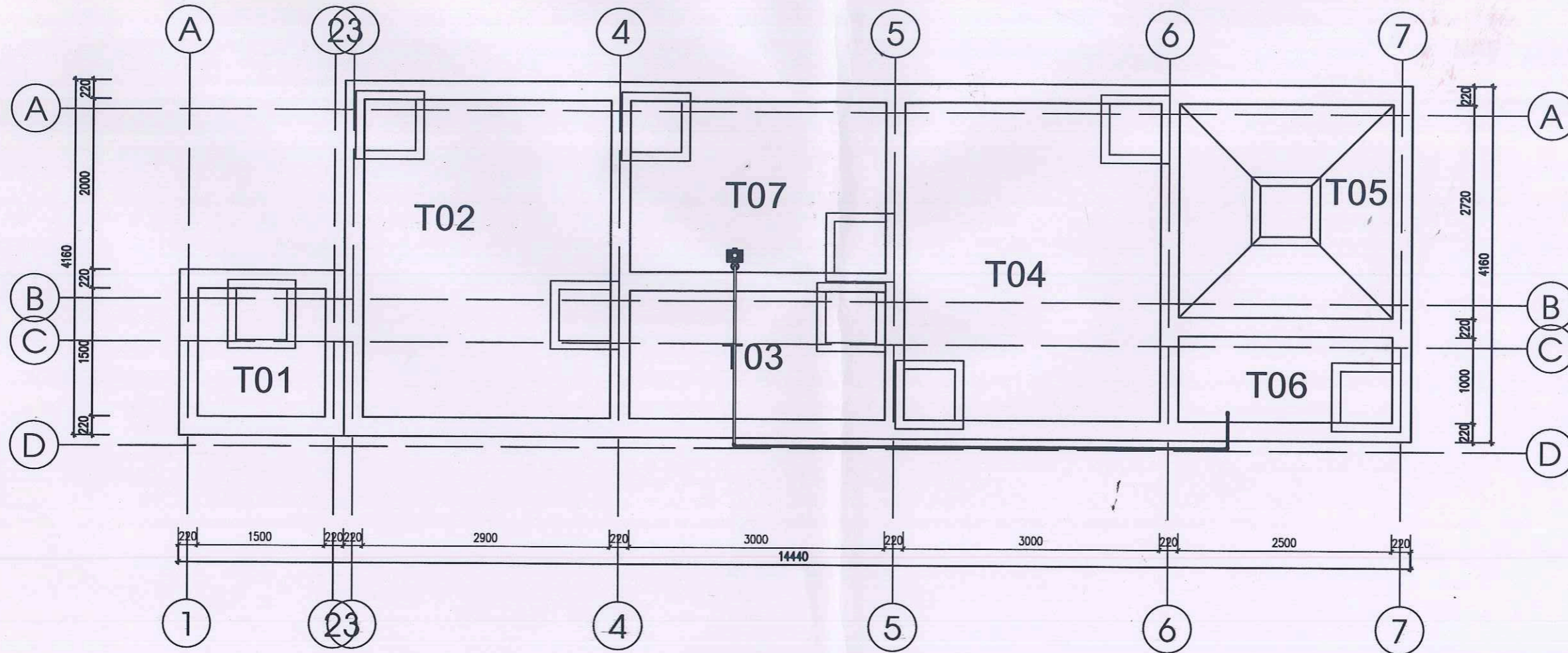
CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THỂ HIỆN: KS. NGUYỄN THỊ SEN	
QLKT: KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC	

HẠNG MỤC:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
**MẶT BẰNG CÔNG
NGHỆ ĐƯỜNG Bùn**

TỶ LỆ BẢN VẼ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CN:05
HIỆU CHÍNH	
LẦN 1	
LẦN 2	
LẦN 3	

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG HÓA CHẤT



CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20.....	
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH
Nguyễn Thế Cường	Nguyễn Thế Cường

- GHI CHÚ:
- T01: HỒ BƠM NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
 - T02: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC THẢI
 - T03: BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ
 - T04: BỂ XỬ LÝ HIẾU KHÍ
 - T05: BỂ LẮNG
 - T06: BỂ KHỬ TRÙNG
 - T07: BỂ CHỨA BÙN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TĨNH

CÔNG TRÌNH:
CÔNG TY CỔ PHẦN SỢI NGHỆ TĨNH
NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TĨNH

ĐỊA ĐIỂM:
LÃNH TH. H. H. H.

CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG,
THỊ XÃ HỒNG LÍNH, TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN:
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH

ĐỊA CHỈ: SN 5 - NGÕ 1 - D. PHAN CẢNH QUANG
THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN
EMAIL: TOANANHCOMPANY262@GMAIL.COM
ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN TẤT TOÀN

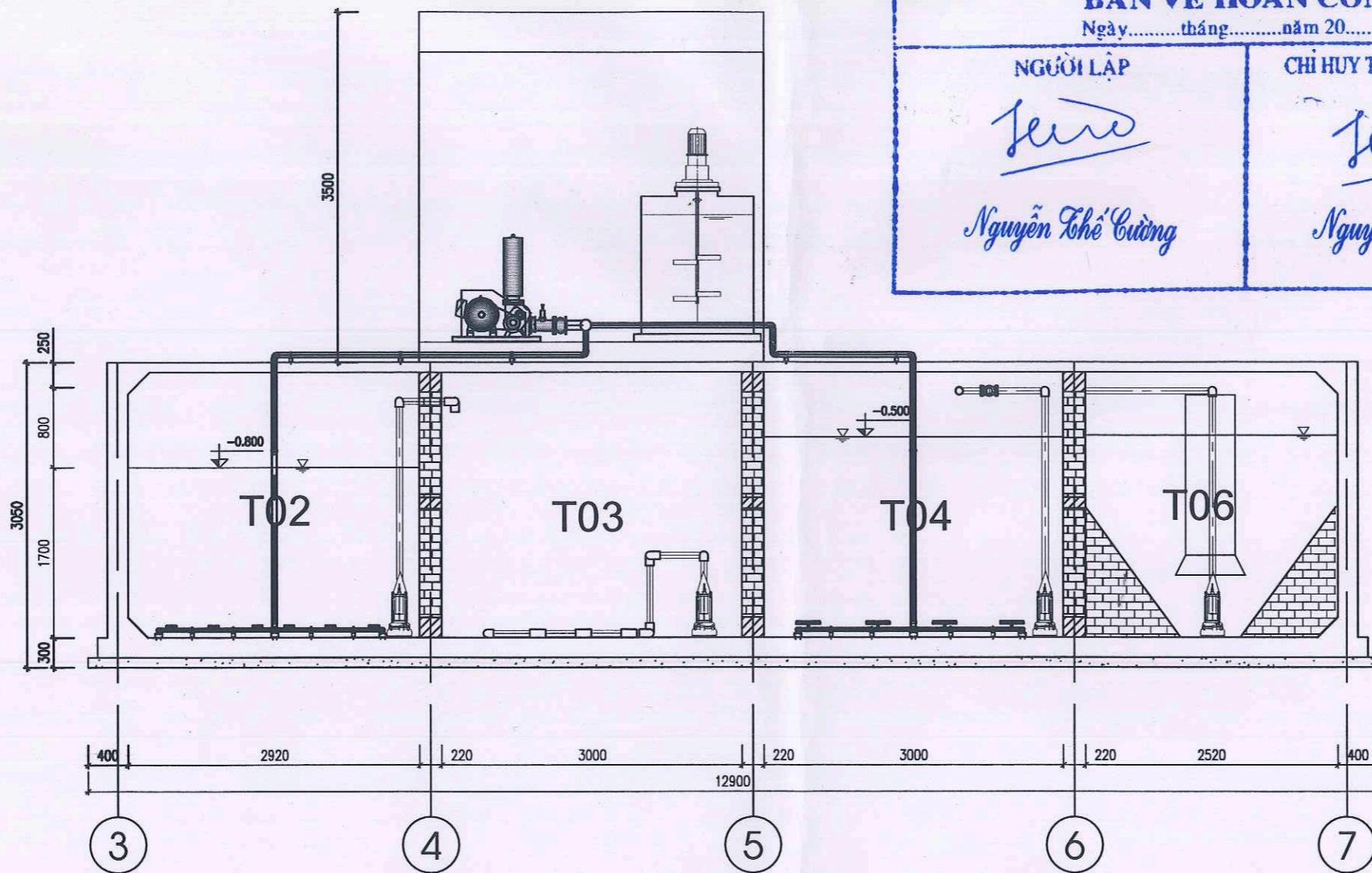
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THIẾT KẾ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THỂ HIỆN:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
QLKT:	
KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC	

HẠNG MỤC:
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ ĐƯỜNG HÓA CHẤT

TỶ LỆ BẢN VẼ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CN:06
HIỆU CHÍNH	
LẦN 1	
LẦN 2	
LẦN 3	

MẶT CẮT CÔNG NGHỆ





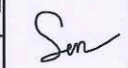
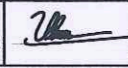



MẶT CẮT 2 - 2

GHI CHÚ:

- T01: HỒ BƠM NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
- T02: BỂ ĐIỀU HOÀ NƯỚC THẢI
- T03: BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ
- T04: BỂ XỬ LÝ HIẾU KHÍ
- T05: BỂ LẮNG
- T06: BỂ KHỬ TRÙNG
- T07: BỂ CHỨA BÙN

CÔNG TY CỔ PHẦN AQUA-NANO VIỆT NAM	
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày.....tháng.....năm 20.....	
NGƯỜI LẬP  Nguyễn Thế Cường	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH  Nguyễn Thế Cường

CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY CP SỢI NGHỆ TỈNH	
	
CÔNG TRÌNH:	
CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ MÁY SỢI NGHỆ TỈNH NGHỆ TỈNH	
ĐỊA ĐIỂM:	
CỤM CÔNG NGHIỆP NAM HỒNG, THỊ XÃ HỒNG LĨNH, TỈNH HÀ TĨNH	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN:	
CÔNG TY CP TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XD TOÀN ANH	
	
ĐỊA CHỈ: SN 5-NGO 1 - D. PHAN CẢNH QUANG THÀNH PHỐ VINH - NGHỆ AN EMAIL: TOANANHCOMPANY2020@GMAIL.COM ĐIỆN THOẠI: 0988 746 588	
GIÁM ĐỐC:	
 NGUYỄN TẤT TOÀN	
CHỦ TRÌ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THIẾT KẾ:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
THỂ HIỆN:	
KS. NGUYỄN THỊ SEN	
QLKT:	
KS. ĐÀO QUỐC ƯỚC	
HẠNG MỤC:	
TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ	
TỶ LỆ BẢN VẼ:	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	CN:07
HIỆU CHỈNH	
LẦN 1	
LẦN 2	
LẦN 3	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10...tháng 06...năm 2024

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC
BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**
(Số: 3./BBNT/NTDVSD)

Dự án: Nhà máy Sợi Nghệ Tĩnh

Địa điểm XD: Cụm công nghiệp Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Hạng mục: Trạm xử lý nước thải

1. Đối tượng nghiệm thu:

Nghiệm thu lắp đặt đưa vào sử dụng cho Trạm xử lý nước thải tập trung

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh

Ông: Phan Thị Thu

Chức vụ: Giám đốc

Ông:

Chức vụ:

b. Đại diện Nhà thầu thi công: Công ty Cổ phần Aqua-Nano Việt Nam

Ông: Phan Văn Tùng

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Thế Cường

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: 09...giờ...00...ngày...10...tháng...06... năm 2024

Kết thúc: 11...giờ...00...ngày...10...tháng...06... năm 2024

Tại Công trình: Nhà máy Sợi Nghệ Tĩnh

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng kinh tế số:/AQUANANO-HĐKT-202... giữa Công ty Cổ phần Sợi Nghệ Tĩnh và Công ty Cổ phần Aqua-Nano Việt Nam

- Biên bản nghiệm thu các thiết bị, máy móc, vật liệu đầu vào trước khi lắp đặt

Sau khi xem xét hồ sơ thiết kế, các nội dung trong hợp đồng đã ký kết, thực tế thi công trên công trường, các bên cùng nhau xác nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục, bàn giao đưa vào sử dụng Trạm xử lý nước thải, bao gồm các hạng mục sau:

STT	DANH MỤC	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	S.L
I	CÁC THIẾT BỊ CHÍNH			
1	Bể thu gom nước thải			
1.1	Thiết bị lọc rác bể điều hòa	Xuất xứ: Aqua gia công Kích thước: 0.4 x 0.3 x 0.2m Mắt lưới: 5mm Vật liệu: Inox Sus 304	Bộ	1
1.2	Bơm nước thải thả chìm bể điều hòa	Xuất xứ: Taiwan Lưu lượng: 7.2-12m3/h; Cột áp: H= 4.5-8m Điện năng: 250w/380V/50Hz	Cái	2
1.3	Phao báo mức nước	Xuất xứ: Việt Nam Bao gồm: Cáp tín hiệu dài 3m	Cái	1

2	Bể điều hòa nước thải			
2.1	Bơm nước thải thả chìm bể điều hòa	Xuất xứ: Taiwan Lưu lượng: 7.2-12m ³ /h; Cột áp: H= 4.5-8m Điện năng: 250w/380V/50Hz	Cái	2
2.2	Hệ thống phân phối khí bể điều hòa	Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: uPVC Class 2 Quy cách: Dạng xương cá ống đục lỗ	Hệ	1
2.3	Đĩa phân phối khí thô	Xuất xứ: Jaeger-Germany Đường kính đĩa: 105mm Lưu lượng thiết kế: 2-25m ³ /giờ Vật liệu màng: EDPM	Hệ	1
2.4	Phao báo mức nước	Xuất xứ: Việt Nam Bao gồm: Cáp tín hiệu dài 3m	Cái	1
3	Bể thiếu khí Anoxic			
3.1	Bơm khuấy trộn chìm	Xuất xứ: Taiwan Lưu lượng: 11,1-18m ³ /h; Cột áp: H= 6-10m Điện năng: 0.4kw/220V/50Hz	Cái	1
3.2	Hệ thống phân phối nước đảo trộn	Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: uPVC Class 2 Quy cách: Dạng xương cá ống đục lỗ	Hệ	1
4	Bể hiếu khí Oxid-MBBR			
4.1	Ống xương cá lắp đặt đĩa PP khí	Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: uPVC Class 2 Quy cách: Dạng ống đục lỗ D2	Hệ	1
4.2	Đĩa phân phối khí bọt mịn	Xuất xứ: Jaeger-Germany Đường kính đĩa: 270mm Lưu lượng thiết kế: 1,5-8m ³ /h Vật liệu màng: EDPM	Hệ	1
4.3	Đệm vi sinh dạng di động MBBR	Xuất xứ: Việt Nam Kích thước: D _{xh} =25x10mm Bề mặt riêng >550m ² /m ³ Vật liệu: Nhựa PE/HDPE	Hệ	1
4.4	Bơm tuần hoàn nước thải thả chìm	Xuất xứ: Taiwan Lưu lượng: 7.2-12m ³ /h; Cột áp: H= 4.5-8m Điện năng: 250w/380V/50Hz	Cái	1
4.5	Máy thổi khí đặt cạn	Xuất xứ: Taiwan Lưu lượng: 0.88m ³ /phút Cột áp: H= 4m	Cái	2

		Điện năng: 1.5kw/380V/50Hz Bao gồm phụ kiện: ống giảm thanh hút dầy, van 1 chiều, van an toàn, belt cover, đồng hồ áp lực, pulley, curoa, khớp nối mềm, khung đế...		
5	BỂ LẮNG SINH HỌC			
5.1	Máng răng cưa thu nước sạch	Xuất xứ: Aqua gia công chế tạo Vật liệu: Inox Sus 304 Khoảng cách răng cưa: 100cm Độ dày: 1mm	Hệ	1
5.2	Ống lắng trung tâm phân phối nước	Xuất xứ: Aqua gia công chế tạo Vật liệu: Inox Sus 304 Kích thước: D x H = 400 x 1300mm Độ dày: 1mm	Cái	1
5.3	Bơm tuần hoàn bùn và thải bùn dư	Xuất xứ: Taiwan Lưu lượng: 7.2-12m3/h; Cột áp: H= 4.5-8m Điện năng: 250w/380V/50Hz	Cái	1
6	BỂ KHỬ TRÙNG NƯỚC THẢI			
6.1	Giỏ đựng viên nén khử trùng	Xuất xứ: Aqua gia công chế tạo Vật liệu: uPVC Kích thước: D x H = 400 x 1200mm Bao gồm: Phụ kiện và giá đỡ	Cái	1
6.2	Bơm ly tâm đặt cạn	Xuất xứ: Taiwan Lưu lượng: Q= 1.7m3/h Cột áp: H = 20-30m Điện năng: 0.75kw/380V/50Hz Bao gồm: Khung đỡ bơm	Cái	1
6.3	Bồn lọc áp lực	Xuất xứ: Việt Nam Lưu lượng: 1-3m3/h Vật liệu: FRP composite Bao gồm: Vật liệu lọc chuyên dụng, van 3 cửa, ống phân phối nước, lưới thu....	Bộ	1
6.4	Phao báo mức nước	Xuất xứ: Việt Nam Bao gồm: Cáp tín hiệu dài 3m	Cái	1
II	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN VÀ ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ			
1	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN			
1.1	Tủ điện, động lực điều khiển	Xuất xứ: Châu Á + Vỏ tủ: Thép sơn tĩnh điện	Bộ	1

		+ Hệ thống điều khiển bằng PLC, hoạt động theo 2 chế độ tự động hoàn toàn và bằng tay Thiết bị đóng cắt: Hyundai/LS Đèn, nút nhấn, relay, cầu chì, biến thế, bộ nguồn, máng nhựa, phụ kiện khác: Châu Á		
1.2	Hệ thống cáp điện, máng cáp, ống luồn + phụ kiện & vật tư phụ	Cáp điện: Cadivi/Cadisun Ống luồn & phụ kiện, máng cáp: trọn gói	Trọn gói	1
2	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ			
2.1	Hệ thống ống + phụ kiện (co, tê, nối, ...) thép mạ kẽm dày 2mm lắp đặt cho hệ thống phân phối khí trên mặt bể	Xuất xứ: Việt Nam	Trọn gói	1
2.2	Hệ thống ống uPVC + phụ kiện (co, tê, nối) Class 2; và các cụm van lắp đặt cho các đường dẫn nước thải, dẫn bùn, hóa chất và nước sạch.	Xuất xứ: Tiên Phong/Dismy	Trọn gói	1
2.3	Các vật tư phụ khác: Đai ôm, Ubolt, vít nở, support....	Trọn gói trong phạm vi trạm xử lý nước thải	Trọn gói	1

5. Kết quả nghiệm thu

- Nhà thầu đã hoàn thành các công việc lắp đặt, vận hành chạy thử, chuyển giao công nghệ, hướng dẫn vận hành cho đơn vị vận hành sử dụng.

- Đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

- Các ý kiến khác (nếu có):

6. Kết luận: Đồng ý nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng



GIÁM ĐỐC
Phan Thị Thu



GIÁM ĐỐC
Phan Văn Tùng